

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHAN DUY ANH

QUYỀN SỐNG CỦA TRẺ EM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Chuyên ngành: Quyền con người

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS Vũ Công Giao

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận văn là trung thực, những kết luận của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu khoa học nào.

Tác giả luận văn

PHAN DUY ANH

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN SỐNG CỦA TRẺ EM	7
1.1. Các khái niệm nền tảng	7
1.2. Chủ thể, tính chất, nội dung quyền sống của trẻ em	18
1.3. Các yếu tố bảo đảm quyền sống của trẻ em	36
Chương 2: PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN SỐNG CỦA TRẺ EM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	43
2.1. Quyền sống của trẻ em trong pháp luật Việt Nam	43
2.2. Thực trạng bảo đảm quyền sống của trẻ em ở Việt Nam	61
2.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong việc bảo đảm quyền sống của trẻ em ở Việt Nam hiện nay	71
Chương 3: QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP NHẪM BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN SỐNG CỦA TRẺ EM Ở VIỆT NAM	75
3.1. Quan điểm bảo đảm thực hiện quyền sống của trẻ em ở Việt Nam	75
3.2. Các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền sống của trẻ em	76
KẾT LUẬN	80
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	81

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLDS	Bộ luật dân sự
BLHS	Bộ luật hình sự
CRC	Convention on the Rights of the Child (Công ước quốc tế về quyền trẻ em)
ICCPR	International Covenant on Civil and Political Rights (Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị)
ICESCR	International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights (Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa)
LBVCSGDTE	Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em
UDHR	Universal Declaration on Human Rights (Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người)

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trẻ em là một trong các nhóm xã hội dễ bị tổn thương nhất được nhà nước và các cộng đồng quan tâm bảo vệ. Ở bình diện quốc tế, quyền trẻ em được ghi nhận, bảo đảm, bảo vệ trong hệ thống pháp luật quốc tế về quyền con người và quyền trẻ em là một bộ phận của quyền con người. Văn kiện quốc tế cơ bản và toàn diện nhất bảo vệ quyền trẻ em là Công ước quốc tế về quyền trẻ em 1989 (Convention on the rights of the child– CRC, 1989). Công ước này nêu một danh mục các quyền mà mọi trẻ em đều được hưởng, trong đó quyền cơ bản nhất là quyền sống của trẻ em được ghi nhận tại Điều 6 CRC 1989. Quyền sống là quyền tiền đề và quyền cơ bản tự nhiên không thể tranh cãi đối với bất kỳ ai. Đặc biệt hơn nữa, khi gắn với chủ thể trẻ em- chủ thể dễ bị tổn thương, do còn non nớt cả về thể chất, tinh thần và trí tuệ thì quyền sống càng cần được ghi nhận, bảo đảm với những điều kiện phù hợp hơn nữa dựa trên những nhu cầu, đặc điểm khách quan này của trẻ em. Quyền sống của trẻ em cần được quan tâm ngay từ giai đoạn trong bào thai và về lý luận còn nhiều quan điểm khác nhau về thời điểm trẻ em được coi là chủ thể của quyền sống và các quyền con người. Quyền sống của trẻ em trải qua nhiều giai đoạn phát triển của chủ thể cần gắn với nhu cầu bảo đảm khác nhau phải được ưu tiên, chú trọng hơn trong mỗi giai đoạn cụ thể. Như trong giai đoạn sơ sinh thì nhu cầu được bảo vệ bằng những biện pháp phòng ngừa về sức khỏe như chăm sóc đặc biệt, dinh dưỡng, tiêm chủng... để bảo đảm được sự sống còn, giảm tỷ lệ chết non ở trẻ em cần phải được chú trọng đặc biệt; giai đoạn phát triển và trưởng thành thì nhu cầu bảo đảm quyền được chăm sóc dinh dưỡng, sức khỏe, học tập, giáo dục để trẻ em có thể phát triển một cách toàn diện về cả thể chất và tinh thần, có được nhận thức về bản thân và trách nhiệm xã hội cần được đặc biệt chú trọng. Mặc dù vậy, thực tế trên toàn thế giới và tại Việt Nam cho thấy trẻ em là nhóm xã hội đặc biệt dễ bị tổn thương, dễ bị xâm hại về tính mạng, sức khỏe và tinh thần từ môi trường khách quan, môi trường xã hội, các chủ thể khác trong xã hội và thậm chí là từ phía gia đình nếu không có các điều kiện và cơ chế bảo vệ, bảo đảm thích hợp.

Từ đó đặt ra nhu cầu cấp thiết cần phải tìm hiểu, nghiên cứu, phân tích về quyền sống của trẻ em, từ đó có thể tìm ra các giải pháp, đề xuất thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả việc thực hiện bảo đảm quyền này của trẻ em.

Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên phê chuẩn CRC 1989 vào ngày 20/2/1990. Sau khi tham gia vào Công ước, Việt Nam đã thể hiện sự liên tục nỗ lực thực thi những nghĩa vụ của một quốc gia thành viên trong việc bảo đảm, bảo vệ, thực hiện, thúc đẩy các quyền trẻ em. Trong bối cảnh hiện tại, Hiến pháp 2013 đã lần đầu tiên trực tiếp ghi nhận quyền sống tại Điều 19, Luật trẻ em 2016 đã được thông qua và sẽ có hiệu lực vào ngày 1/6/2017 thay thế cho Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em 2004 thể hiện được một bước tiến dài trong việc nội luật hóa các quy định của CRC 1989. Các quy định trong Luật trẻ em 2016 phản ánh đầy đủ, toàn diện, rõ nét, phù hợp hơn với CRC 1989 và trong đó, lần đầu tiên quyền sống của trẻ em được ghi nhận trực tiếp, riêng biệt, đầy đủ tại Điều 12 Luật trẻ em 2016. Trong bối cảnh đó, để những quy phạm pháp luật mới với tính ưu việt hơn trước đây có thể nhanh chóng đạt được sự hiệu quả trong xã hội đòi hỏi phải có nhiều công trình nghiên cứu từ nhiều ngành, nhiều góc độ khác nhau về quyền sống của trẻ em.

Từ những nhu cầu cấp thiết trên, tác giả quyết định chọn đề tài: “***Quyền sống của trẻ em ở Việt Nam hiện nay***” để thực hiện luận văn thạc sỹ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ở Việt Nam, liên quan đến vấn đề này đã có nhiều công trình nghiên cứu, bài viết của các nhà khoa học. Trước tiên, là những công trình tiêu biểu nghiên cứu về quyền con người, những vấn đề lớn của quyền con người, cung cấp cho người đọc cơ sở lý luận, pháp lý, lịch sử về quyền con người như: “*Quyền con người*” do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên, Nxb Khoa học xã hội, 2011; “*Quyền con người, tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học*” do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên, Nxb Khoa học xã hội, 2011; “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền dân sự chính trị*” do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên, Nxb Khoa học xã hội, 2011; “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền kinh tế, văn hóa và xã hội*” do GS.TS

Võ Khánh Vinh chủ biên, Nxb Khoa học xã hội, 2011; “*Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*”, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb Chính trị quốc gia, 2009.

Những công trình nghiên cứu về quyền trẻ em tiêu biểu bao gồm: “*Luật quốc tế về quyền của các nhóm người dễ bị tổn thương*”, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb Lao động xã hội, 2011. Trong đó, nghiên cứu và phân tích về các quy định của luật quốc tế về quyền trẻ em, tập trung nhất là phân tích, làm rõ nội dung của Công ước quốc tế về quyền trẻ em 1989; Cuốn “*Quyền trẻ em*”, Trung tâm nghiên cứu quyền con người thuộc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 6-2000. Trong đó, nghiên cứu và phân tích về mối liên hệ giữa quyền trẻ em với hệ thống quyền con người, các quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền trẻ em, nêu ra các biện pháp nhằm thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam.

Vấn đề quyền trẻ em nhận được nhiều sự quan tâm và được nhiều tác giả nghiên cứu trong thời gian gần đây như: Luận văn thạc sỹ luật học năm 2015 “*Quyền tham gia của trẻ em ở Việt Nam hiện nay*” của tác giả Vũ Thị Huệ, nghiên cứu và làm rõ cơ sở lý luận và pháp lý về quyền tham của trẻ em, thực trạng thực hiện quyền tham gia của trẻ em ở Việt Nam và đề xuất những giải pháp bảo đảm thực hiện quyền này; Liên quan chặt chẽ với quyền sống của trẻ em, phải kể đến Luận văn thạc sỹ luật học năm 2015 “*Quyền sống trong luật nhân quyền quốc tế và pháp luật Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Duy Thiện, nghiên cứu và phân tích các quy định của luật nhân quyền quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền sống để làm rõ những vấn đề lý luận của quyền sống, đánh giá mức độ phù hợp giữa các quy định về quyền sống của pháp luật Việt Nam với luật nhân quyền quốc tế, tìm hiểu và phân tích thực trạng thực hiện quyền sống ở Việt Nam và đề xuất những phương hướng, giải pháp bảo đảm thực hiện quyền sống ở Việt Nam.

Tựu chung, các công trình khoa học trên được thực hiện công phu và có ý nghĩa tham khảo lớn để thực hiện luận văn này. Mặc dù vậy, các công trình khoa học kể trên mới đề cập đến những vấn đề lớn, cơ bản, chung nhất về quyền con người, quyền trẻ em. Hầu như chưa có công trình nào tập trung phân tích chuyên

sâu và toàn diện về quyền sống của trẻ em. Vì vậy, luận văn này vẫn có tính cấp thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là phân tích, góp phần làm rõ hơn những vấn đề lý luận về quyền sống của trẻ em, thông qua việc tìm hiểu, nghiên cứu các quy định của hệ thống pháp luật quốc tế về quyền con người và pháp luật Việt Nam về quyền sống của trẻ em để xem xét, đánh giá sự phù hợp giữa các quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; tìm hiểu thực trạng thực hiện quyền sống của trẻ em theo pháp luật Việt Nam; đưa ra một số giải pháp góp phần bảo đảm thực hiện quyền này một cách hiệu quả.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu, làm rõ vấn đề lý luận về quyền sống của trẻ em;
- Nghiên cứu, tìm hiểu những quy định về quyền sống của trẻ em trong hệ thống pháp luật quốc tế về quyền con người và pháp luật Việt Nam;
- Phân tích, đánh giá khuôn khổ pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền sống của trẻ em về mức độ phù hợp với hệ thống pháp luật quốc tế và thực trạng thực hiện quyền sống của trẻ em ở Việt Nam;
- Đề xuất những phương hướng, giải pháp bảo đảm thực hiện quyền sống của trẻ em ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu các vấn đề lý luận, pháp lý và thực trạng bảo đảm quyền sống của trẻ em ở Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung, luận văn chỉ nghiên cứu quyền sống của trẻ em. Những phân tích về quyền trẻ em nói chung và các quyền cụ thể khác của trẻ em chỉ mang tính khái quát để làm tiền đề và tham chiếu với quyền sống.

Về không gian, luận văn chỉ giới hạn phạm vi nghiên cứu về quyền sống của trẻ em ở Việt Nam. Những phân tích về quyền này của trẻ em ở các quốc gia khác chỉ mang tính khái quát để tham chiếu với Việt Nam.

Về thời gian, luận văn tập trung nghiên cứu tình hình bảo đảm quyền sống của trẻ em ở Việt Nam trong khoảng 5 năm gần đây.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận là phép biện chứng duy vật của học thuyết Mác-Lênin được sử dụng để định hướng cho các hoạt động, lựa chọn, sử dụng các phương pháp trong các nhiệm vụ cụ thể để đạt được các mục tiêu đề ra.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả đã sử dụng những phương pháp sau: phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp so sánh, đối chiếu; phương pháp diễn dịch và quy nạp. Đặc biệt khi nghiên cứu những vấn đề lý luận về quyền sống của trẻ em, tác giả sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên quyền – phương pháp đặc thù khi nghiên cứu về quyền con người được sử dụng tại Chương 1 để làm rõ các vấn đề lý luận về quyền sống của trẻ em, đặc biệt là trong mối quan hệ giữa chủ thể mang quyền và chủ thể mang nghĩa vụ, trách nhiệm bảo vệ, thực hiện quyền này.

Quyền con người nói chung và quyền sống của trẻ em nói riêng là một phạm trù đa diện, liên quan đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội vậy nên tác giả tiếp cận, nghiên cứu dựa trên cách tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội. Cách tiếp cận này được sử dụng tại phần 1.3. Các yếu tố bảo đảm quyền sống của trẻ em trong chương 1 của luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa về phương diện lý luận và thực tiễn, bởi đây là công trình nghiên cứu tương đối toàn diện, có hệ thống về quyền sống của trẻ em. Luận văn mang đến những ý nghĩa lý luận và thực tiễn sau:

- Các kết quả nghiên cứu trong luận văn là tài liệu tham khảo về quyền sống của trẻ em trong các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục và đào tạo về quyền con người;

- Các kết quả nghiên cứu trong luận văn cũng có thể trở thành tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ quan, tổ chức hữu quan trong quá trình nghiên cứu để xây dựng những chính sách, pháp luật về quyền sống của trẻ em.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quyền sống của trẻ em

Chương 2: Pháp luật và thực trạng bảo đảm quyền sống của trẻ em ở Việt Nam hiện nay

Chương 3: Quan điểm, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện quyền sống của trẻ em ở Việt Nam

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN SỐNG CỦA TRẺ EM

1.1. Các khái niệm nền tảng

1.1.1. Khái niệm trẻ em

Điều 1 Công ước về quyền trẻ em 1989 quy định: “*Trong phạm vi công ước này, trẻ em là bất kỳ người nào dưới 18 tuổi, trừ trường hợp pháp luật có thể được áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn*” [15, tr.162,163]. Theo định nghĩa trẻ em của CRC thì trẻ em là những người dưới 18 tuổi, tuy nhiên đây là quy định mở, mức 18 tuổi là mức tiêu chuẩn nhưng không phải mức bắt buộc, có định với mọi quốc gia. Điều này cho phép các quốc gia có thể quy định độ tuổi được coi là trẻ em thấp hơn 18 tuổi, vậy nên độ tuổi được coi là trẻ em có thể khác nhau giữa các quốc gia thành viên của công ước [17, tr. 58]. Quy định mang tính mở về độ tuổi được coi là trẻ em của CRC xuất phát từ sự cân nhắc về số lượng của trẻ em trên thế giới được bảo vệ bởi CRC, quy định mở tại Điều 1 CRC có thể làm cho số lượng trẻ em được bảo vệ bởi công ước ở một quốc gia bị giảm đi nhưng lại có tác dụng tối đa hóa số lượng quốc gia tham gia vào công ước.

CRC cũng không quy định từ khi nào được coi là trẻ em, từ khi được sinh ra hay trước khi được sinh ra. Theo luật nhân quyền quốc tế thì trẻ em với tư cách là chủ thể của các quyền trẻ em, quyền con người được tính từ khi được sinh ra. Tuy nhiên, CRC 1989 quy định: “*Trẻ em, do còn non nớt về cả thể chất và trí tuệ, cần được chăm sóc và bảo vệ đặc biệt, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lý trước cũng như sau khi ra đời*” (lời nói đầu) [15, tr.161,162]. Điều này có nghĩa là các quốc gia có nghĩa vụ nhất định trong việc bảo vệ sự sống của trẻ em từ khi còn là bào thai, cho dù sự bảo vệ đó không đồng nghĩa với việc bảo vệ quyền sống của một tự nhiên nhân, mà thông thường thể hiện chủ yếu qua các chính sách chăm sóc sức khỏe của bà mẹ [34, tr. 9].

Những văn kiện pháp lý quốc tế khác cũng có định nghĩa về trẻ em, Công ước số 182 về cấm hoặc hành động ngay để xóa bỏ những hình thức lao động trẻ em

tội tệ nhất 1999 của ILO (tại điều 2) và nghị định thư về việc ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị việc buôn bán người đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (tại khoản 4 điều 3) đều định nghĩa trẻ em là người dưới 18 tuổi. Định nghĩa về trẻ em của 2 văn kiện này phù hợp, thống nhất với mức trần tiêu chuẩn của CRC và cố định mức trần đó. Nghị định thư về việc lôi cuốn trẻ em tham gia xung đột vũ trang, bổ sung Công ước quyền trẻ em, ngay tại lời nói đầu ghi nhớ Điều 1 CRC về khái niệm trẻ em. Qua đó, thấy được điểm chung trong hệ thống pháp luật quốc tế về khái niệm trẻ em ở mức 18 tuổi. Tuy nhiên vẫn chưa thống nhất toàn bộ bởi quy định mang tính mở của CRC 1989 về khái niệm trẻ em.

Ngoài ra, trong từng lĩnh vực cụ thể thì cách quy định độ tuổi trẻ em có sự khác nhau, như trong các văn kiện khác của những tổ chức thuộc Liên Hợp Quốc như Quỹ dân số Liên Hợp Quốc (VNFPA), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa (UNESCO) thì trẻ em là những người dưới 15 tuổi [9, tr.8].

Liên quan tới vấn đề xử lý trẻ em làm trái pháp luật, Liên Hợp Quốc còn sử dụng khái niệm “người chưa thành niên”. Các quy tắc của Liên Hợp Quốc về bảo vệ người chưa thành niên bị tước tự do 1990 quy định: “*người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi*” (khoản a Điều 11). Quy tắc Bắc Kinh, Hướng dẫn Ri-át cũng sử dụng khái niệm người chưa thành niên. Các văn kiện quốc tế này sử dụng khái niệm trẻ em, người chưa thành niên với mục đích bảo vệ quyền trẻ em và người chưa thành niên khi họ phạm pháp.

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, Điều 1 Luật trẻ em 2016 quy định: “*Trẻ em là người dưới 16 tuổi*”[24]. Luật trẻ em 2016 đã đưa ra khái niệm trẻ em với mức 16 tuổi, như vậy là phù hợp và đúng với quy định của CRC và mức 16 tuổi là mức thấp hơn so với mức trần tiêu chuẩn của CRC 1989. Bộ Luật dân sự 2015 quy định: “*người thành niên là người đủ 18 tuổi trở lên*” (khoản 1, điều 20), “*người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi*” (khoản 1, điều 21)[3]. Bộ luật lao động 2012 quy định: “*Người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi*” [5]. Như vậy đã có khái niệm trẻ em trong hệ thống pháp luật Việt Nam là người

dưới 16 tuổi, người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi và điều chỉnh trong từng lĩnh vực cụ thể còn có những khái niệm khác. Việc thống nhất các khái niệm là gần như không thể và Bộ luật Hình sự Việt Nam 2015 quy định tại điều 12 về tuổi chịu trách nhiệm hình sự, chương VII những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, chỉ sử dụng trực tiếp các mức độ tuổi cụ thể để điều chỉnh mà không dùng khái niệm “người chưa thành niên phạm tội” như trước.

Từ những phân tích trên, trong phạm vi luận văn này, khái niệm trẻ em được hiểu là: *“Trẻ em là người dưới 18 tuổi, được coi là trẻ em từ khi được sinh ra và cần được bảo vệ, chăm sóc đặc biệt từ trước, cũng như sau khi ra đời”*.

1.1.2. Khái niệm quyền trẻ em

Thuật ngữ pháp lý “quyền trẻ em” xuất hiện từ đầu thế kỷ XX. Sự phát triển của quyền trẻ em song song với sự phát triển của quyền con người, là một phần trong sự phát triển của quyền con người. Hai khái niệm “quyền con người” và “quyền trẻ em” có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Để làm rõ khái niệm quyền trẻ em, thì phải đặt quyền trẻ em trong mối liên hệ với quyền con người và làm rõ mối liên hệ này.

Quyền con người là một phạm trù đa diện, do đó có nhiều định nghĩa khác nhau. Ở cấp độ quốc tế, Văn phòng Cao ủy Liên Hợp Quốc về quyền con người (OHCHR) có một định nghĩa thường được sử dụng bởi các nhà nghiên cứu. Theo đó, *quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc mà làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và tự do cơ bản của con người*. [16, tr. 23]. Bên cạnh định nghĩa trên, một định nghĩa khác cũng thường được trích dẫn, theo đó, *quyền con người là những sự được phép mà tất cả thành viên của cộng đồng nhân loại, không phân biệt giới tính, chủng tộc, tôn giáo, địa vị xã hội...; đều có ngay từ khi sinh ra, đơn giản chỉ vì họ là con người*. Định nghĩa này mang dấu ấn của học thuyết về các quyền tự nhiên [12, tr. 44, 45].

Ở Việt Nam, đã có những định nghĩa về quyền con người không hoàn toàn giống nhau của một số cơ quan nghiên cứu và chuyên gia từng nêu ra, nhưng xét

chung, quyền con người thường được hiểu là *những nhu cầu tự nhiên, vốn có của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế* [12, tr. 45].

Quyền trẻ em là một bộ phận của quyền con người bởi lẽ: trẻ em là con người, trẻ em là một thành viên của xã hội, trẻ em là công dân đặc biệt của một quốc gia. Vì vậy, quyền trẻ em là quyền con người của trẻ em, trẻ em có những quyền con người như tất cả các thành viên khác trong xã hội loài người [32, tr. 23]. Việc bảo vệ quyền trẻ em không tách rời việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người nói chung, bởi lẽ quyền trẻ em là quyền con người của trẻ em và đây chính là việc bảo vệ quyền con người ở giai đoạn sớm nhất (từ khi sinh ra cho tới khi trưởng thành). Như vậy, từ mối liên hệ giữa quyền trẻ em và quyền con người, có thể hiểu quyền trẻ em là *những nhu cầu tự nhiên, vốn có của trẻ em được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế*. Tuy nhiên, do trẻ em có những thuộc tính, đặc điểm khác với người lớn cho nên, việc bảo vệ quyền trẻ em lại có những đặc điểm riêng, khác với quyền của người lớn. Những đặc điểm này thể hiện qua các nguyên tắc cơ bản làm nền tảng cho CRC 1989 đó là:

- Trẻ em cũng là những con người: Nguyên tắc này xác định vị thế bình đẳng của trẻ em với người lớn về phương diện chủ thể của quyền, phải được công nhận và bảo vệ các quyền ngay từ giai đoạn thơ ấu;

- Quyền được sống, tồn tại và phát triển (Điều 6): Điều khoản về quyền được sống bao gồm tập hợp về quyền được sống và quyền được phát triển, mà phải được đảm bảo đến mức tối đa. Thuật ngữ “phát triển” trong bối cảnh này cần được giải thích theo một nghĩa rộng, với một khía cạnh định tính: không chỉ là sự quan tâm đến sức khỏe thể chất mà còn liên quan đến trí tuệ, tinh thần, tình cảm, sự phát triển văn hóa xã hội [14; tr. 189];

- Không phân biệt đối xử (Điều 2): Tất cả trẻ em trên thế giới đều được hưởng các quyền quy định tại CRC, không hề có sự phân biệt dựa trên bất kỳ cơ sở nào (dân tộc, chủng tộc, giới tính, tôn giáo,..);

- Lợi ích tốt nhất dành cho trẻ em (Điều 3): Nguyên tắc này đòi hỏi trong mọi hoạt động có liên quan đến trẻ em, nhà nước, các chủ thể khác, các bậc cha mẹ phải lấy lợi ích của trẻ em làm mục tiêu đầu tiên;

- Tôn trọng ý kiến, quan điểm của trẻ em (Điều 12): Nguyên tắc này nhằm đảm bảo rằng, trẻ em thực sự là chủ thể của quyền. Nó đòi hỏi các chủ thể khác phải tôn trọng các quyền tự do diễn đạt, tự do tôn giáo, tín ngưỡng, tự do lập hội và tự do tư tưởng của trẻ em [17, tr. 57,58].

1.1.3. Khái niệm và đặc điểm của quyền sống của trẻ em

Các quyền trẻ em cụ thể ghi nhận trong CRC 1989 vừa thể hiện những quyền con người cơ bản chung, vừa xác định là nhằm nâng cao hoặc bổ sung thêm vào quyền con người nói chung, dựa trên nhu cầu, đặc điểm khách quan của trẻ em. Quyền sống của trẻ em được ghi nhận tại Điều 6 CRC, theo đó:

(1): *Mọi quốc gia thành viên thừa nhận rằng mọi trẻ em đều có quyền vốn có là được sống.*

(2): *Các quốc gia thành viên phải bảo đảm đến mức tối đa có thể được sự sống còn và phát triển của trẻ em* [15, tr. 164]

Điều 6 CRC, quyền sống của trẻ em được đề cập tới hai khía cạnh tương ứng với 2 khoản trong điều này. Khía cạnh thứ nhất tại khoản 1 thể hiện quyền sống của trẻ em với tư cách là con người có quyền sống của con người nói chung, được hiểu ở nghĩa đầy đủ ở cả hai góc độ là sự toàn vẹn về tính mạng và bảo đảm những điều kiện tồn tại của con người. Khía cạnh thứ hai tại khoản 2 nhằm nâng cao, bổ sung thêm vào khoản 1 dựa trên nhu cầu “sống còn và phát triển đến mức tối đa” của trẻ em, đó là sự đặc biệt ở góc độ bảo đảm những điều kiện tồn tại của con người được đề cập trong khía cạnh thứ nhất mà chỉ riêng trẻ em mới có. Đây cũng là yếu tố chính để chúng ta có thể phân biệt một cách tương đối giữa khái niệm quyền sống của con người và quyền sống ở trẻ em, sự khác nhau chủ yếu tập trung ở góc độ bảo đảm những điều kiện tồn tại của con người.

Ở khía cạnh thứ nhất tại Điều 6 (1) ghi nhận trẻ em có quyền vốn có là được sống. Quyền sống (the right to life) là quyền tự nhiên, cơ bản của con người và

chính thức được ghi nhận là một tiêu chuẩn pháp lý quốc tế trong Tuyên ngôn nhân quyền 1948 (UDHR, 1948). Điều 3 UDHR quy định: “*Mọi người đều có quyền sống, quyền tự do và an toàn cá nhân*” [15, tr.49]. Theo đó, giữa quyền sống, các quyền tự do và an toàn cá nhân có sự gắn bó mật thiết, trong mỗi liên hệ này các quyền tự do và an toàn cá nhân có thể xem là những điều kiện thiết yếu của quyền sống.

Cụ thể hóa Điều 3 UDHR, Điều 6 (1) Công ước các quyền dân sự, chính trị 1966 (ICCPR, 1966) quy định: “*Mọi người đều có quyền có hữu là được sống. Quyền này phải được pháp luật bảo vệ. Không ai có thể bị tước mạng sống một cách tùy tiện*” [15, tr. 80]. Điều 6 (2,3,4,5,6) ICCPR 1966 quy định các điều kiện cho việc áp dụng hình phạt tử hình ở những nước vẫn còn đang áp dụng hình phạt này, nội dung tóm tắt như sau: (i) Chỉ được phép áp dụng hình phạt tử hình đối với những tội ác nghiêm trọng nhất, căn cứ vào luật pháp hiện hành tại thời điểm tội phạm được thực hiện; (ii) Việc áp dụng hình phạt tử hình không được trái với những quy định của ICCPR và của Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng; (iii) Hình phạt tử hình chỉ được thi hành trên cơ sở bản án đã có hiệu lực pháp luật, do một toà án có thẩm quyền phán quyết; (iv) Bất kỳ người nào bị kết án tử hình đều có quyền xin và quyền được xét ân giảm hoặc thay đổi mức hình phạt; (v) Không áp dụng hình tử hình với người dưới 18 tuổi và không được thi hành án tử hình đối với phụ nữ đang mang thai; (vi) Không được viện dẫn Điều 6 để trì hoãn hoặc ngăn cản việc xoá bỏ hình phạt tử hình [6, tr. 62]. Đặc biệt ở đây, tại Điều 6 (5) ICCPR đã quy định rõ: “*Không được phép tuyên án tử hình với người phạm tội dưới 18 tuổi và không được thi hành án tử hình với phụ nữ đang mang thai*” [15, tr.80]. Việc cấm tuyên án tử hình với người phạm tội dưới 18 tuổi đã bảo vệ quyền sống của trẻ em không bị giới hạn trong phạm vi rộng nhất theo mức trần tiêu chuẩn của khái niệm trẻ em của CRC 1989, bất kể việc pháp luật của các quốc gia thành viên có quy định tuổi thành niên sớm hơn hay không.

Công ước châu Mỹ về nhân quyền 1969 (American convention on human rights) hay thường được gọi là Hiệp ước San Jose, đã góp phần làm rõ khái niệm

quyền sống. Điều 4 Công ước này quy định: *“quyền sống là quyền của mọi người được tôn trọng tính mạng của bản thân họ”*. Khái niệm này đã giải thích quyền sống là sự toàn vẹn về tính mạng của con người. Hiện nay, trong hệ thống luật quốc tế về nhân quyền nhìn nhận quyền sống rộng và đầy đủ hơn, ở cả hai góc độ là sự toàn vẹn về tính mạng của con người và góc độ bảo đảm những điều kiện tồn tại của con người. Ở góc độ thứ hai, đã được Ủy ban nhân quyền (Human rights committee- HRC) đề cập đến trong 2 bình luận chung số 6 (thông qua kỳ họp thứ 16 năm 1982) và bình luận chung số 14 (kỳ họp thứ 23 năm 1984) về quyền sống. Tác giả sẽ trình bày rõ hơn trong phần nội hàm của quyền sống của trẻ em.

Như vậy, ở khía cạnh thứ nhất tại Điều 6 (1) CRC 1989, theo quan điểm của tác giả về quyền sống của trẻ em nói riêng và quyền sống của con người nói chung là: *“Những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ con người, trẻ em chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc mà làm tổn hại đến sự toàn vẹn tính mạng của con người, trẻ em. Và những bảo đảm pháp lý này bao gồm cả việc bảo đảm những điều kiện tồn tại của con người, trẻ em”*.

Ở khía cạnh thứ hai tại Điều 6 (2) CRC quy định nghĩa vụ cho các quốc gia thành viên phải bảo đảm đến mức tối đa có thể được sự sống còn và phát triển của trẻ em. Có thể thấy được, sự sinh tồn của trẻ em gắn bó chặt chẽ với sự phát triển của trẻ em. Khía cạnh thứ hai này là điểm chính để chúng ta nhận diện sự đặc thù của quyền sống của trẻ em với quyền sống của con người nói chung.

Trước khi CRC 1989 ra đời, ngay trong Bình luận chung số 6 về quyền sống của Ủy ban nhân quyền (thông qua tại kỳ họp thứ 16 năm 1982) tại đoạn 5 đã đưa ra nhận định việc bảo vệ “quyền sống vốn có” đòi hỏi các quốc gia thành viên phải áp dụng các biện pháp tích cực. Ủy ban mong muốn các nước tham gia Công ước thực hiện tất cả các biện pháp có thể để giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em và tăng tuổi thọ bình quân, nhất là áp dụng các biện pháp loại bỏ suy dinh dưỡng và bệnh dịch.[37, tr. 269-272]. Ủy ban nhân quyền khi giải thích về nội hàm của quyền sống tại đoạn 5 trong bình luận này đã đề cập tới hai vấn đề là giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em và loại bỏ suy dinh dưỡng và bệnh dịch. Điều này cho thấy, sự nhận thức về quyền sống

của trẻ em đã được bình luận chung này đề cập dưới góc độ bảo đảm những điều kiện tồn tại của trẻ em ở việc bảo đảm sự sống còn của trẻ em (giảm tỷ lệ tử vong của trẻ em) và bảo đảm điều kiện cho sự phát triển của trẻ em về thể chất (loại bỏ suy dinh dưỡng và bệnh dịch).

Điều 6 (2) CRC 1989 nhìn nhận quyền sống của trẻ em dưới góc độ bảo đảm điều kiện tồn tại của trẻ em gắn chặt với điều kiện phát triển của trẻ em ở nghĩa rộng, toàn diện hơn. Thứ nhất, sự sống còn và phát triển của trẻ em phải được bảo đảm đến mức tối đa có thể. “Sống còn” là thuật ngữ đặc thù trong quyền sống của trẻ em, dựa trên đặc điểm khách quan của trẻ là còn non nớt về cả thể chất lẫn tinh thần nên việc bảo vệ sự sống còn của trẻ đòi hỏi nhiều hơn các biện pháp thông thường để bảo vệ tính mạng, nó phải bao gồm cả những biện pháp phòng ngừa về sức khỏe như chăm sóc đặc biệt, dinh dưỡng, tiêm chủng,... Thứ hai, sự phát triển của trẻ em được hiểu theo nghĩa rộng là một sự phát triển toàn diện về cả thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức, tâm lý và xã hội của trẻ em. Giải thích vấn đề này, chuyên đề 10 về quyền trẻ em trong Tuyên bố Viên và chương trình hành động 1993 (đoạn 21, phần I) đã giải thích Điều 6 CRC rằng: *“Điều khoản về quyền được sống bao gồm tập hợp về quyền được sống và quyền được phát triển, mà phải được bảo đảm đến mức tối đa. Thuật ngữ phát triển trong bối cảnh này cần được giải thích theo một nghĩa rộng, với một khía cạnh định tính: không chỉ là sự quan tâm đến sức khỏe thể chất mà còn liên quan đến trí tuệ, tinh thần, tình cảm, sự phát triển văn hóa, xã hội”*[14; tr. 189]. Trong Bình luận chung số 5 về các biện pháp thực hiện công ước về quyền trẻ em của Ủy ban về quyền trẻ em (thông qua năm 2003), tại đoạn 12 cũng lý giải thuật ngữ “phát triển” trong Điều 6 CRC với nội dung tương tự, đó là hiểu sự phát triển của trẻ em theo nghĩa rộng nhất, như là một khái niệm có tính triết học, bao hàm cả sự phát triển về thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức, tâm lý và xã hội của trẻ em và các biện pháp thực hiện cần đạt được sự phát triển tối ưu với tất cả trẻ em [37; tr. 657].

Khía cạnh thứ hai quyền sống của trẻ em được quy định tại Điều 6 (2) CRC 1989 vừa là một nguyên tắc của CRC vừa là một quyền hàm chứa trong đó những

quyền cụ thể liên quan. Để làm rõ khía cạnh này, cần phải làm rõ Điều 6 (2) CRC tích hợp trong nó những quyền nào được quy định trong Công ước.

Đã có những tài liệu của Việt Nam nghiên cứu về quyền trẻ em giải quyết vấn đề này. Trong cuốn sách “Children’s Rights ” xuất bản năm 2000, theo tác giả Ngô Ngọc Thủy đã chỉ ra rằng tất cả các quyền của trẻ em được quy định trong CRC là quan trọng và liên quan, bổ sung cho nhau trong 4 nhóm quyền gồm: nhóm quyền sống, nhóm quyền bảo vệ, nhóm quyền tham gia và nhóm quyền phát triển. Trong đó, nhóm quyền sống bao gồm các điều của Công ước sau: Điều 6 (quyền sống); Điều 5 (sự hướng dẫn của cha mẹ); Điều 24 (quyền được chăm sóc sức khỏe); Điều 26 (quyền hưởng an sinh xã hội); Điều 27 (quyền có mức sống đủ để phát triển toàn diện) [51, tr. 52]. Như vậy, nhóm quyền sống của trẻ em được tích hợp bởi 5 điều của CRC là các Điều 5, 6, 24, 26, 27.

Bình luận chung số 7 về thực hiện quyền trẻ em trong thời kỳ thơ ấu của Ủy ban về quyền trẻ em (thông qua năm 2005) đã giải thích về sự áp dụng CRC 1989 rộng rãi hơn cho “trẻ nhỏ”. Tại đoạn 4 định nghĩa về thời thơ ấu, ủy ban mong muốn được đưa vào tất cả các đối tượng: từ khi mới sinh, tuổi sơ sinh, lứa tuổi trước khi đi học, cũng như trong suốt quá trình chuẩn bị đến trường. Ủy ban đưa ra một định nghĩa tương đối về thời thơ ấu là: những đối tượng dưới 8 tuổi [37; tr. 717]. Tại đoạn 10 bình luận chung này, ủy ban giải thích Điều 6 CRC, có thể tóm tắt những điểm quan trọng như sau [37, tr.720]:

- Thứ nhất, Điều 6 chỉ ra quyền sống vốn có của trẻ em và các quốc gia thành viên có nghĩa vụ phải bảo đảm đến mức tối đa có thể sự tồn tại và phát triển của trẻ;
- Thứ hai, việc đảm bảo sự tồn tại và sức khỏe thể chất là những điều cần phải ưu tiên. Để bảo đảm vấn đề này, các quốc gia thành viên phải áp dụng mọi biện pháp có thể để cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe sinh sản cho bà mẹ và trẻ em, giảm tỷ lệ tử vong cho trẻ sơ sinh, tạo điều kiện và tăng cường thể trạng tốt nhất cho trẻ trong giai đoạn quyết định trong cuộc đời họ. Thiếu ăn và bệnh tật được xác định là những vật cản trong việc thực hiện quyền cho trẻ nhỏ;

- Thứ ba, mặc dù bảo đảm sự tồn tại và sức khỏe thể chất là điều cần phải ưu tiên nhưng ghi nhớ rằng Điều 6 CRC bao hàm tất cả các bình diện về sự phát triển và rằng sức khỏe và tình trạng tâm lý của trẻ nhỏ phụ thuộc lẫn nhau ở nhiều khía cạnh;

- Thứ tư, trẻ em trưởng thành trong các hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đòi hỏi được đặc biệt chú ý;

- Thứ năm, chỉ ra phương thức thực hiện duy nhất để thực hiện quyền tồn tại và phát triển của trẻ nhỏ đó là thông qua việc thực hiện tất cả các điều khoản của CRC, bao gồm quyền được bảo vệ sức khỏe, quyền được nuôi dưỡng đầy đủ, quyền được bảo vệ an ninh xã hội, quyền có mức sống đầy đủ, quyền được sống trong môi trường an toàn và khỏe mạnh, quyền được giáo dục và quyền được vui chơi (Điều 24,27,28,29,31) và thông qua việc tôn trọng trách nhiệm của cha mẹ và việc cung cấp những dịch vụ trợ giúp có chất lượng (Điều 5 và 18).

Như vậy, Bình luận chung này đã chỉ ra Điều 6 CRC tích hợp trong nó các quyền của trẻ em được quy định tại các Điều 5,18,24,27,28,29,31 trong CRC. Tính đến nay, đây là cách lý giải về Điều 6 CRC (quyền sống, tồn tại và phát triển đến mức tối đa có thể của trẻ em) với nội hàm rộng và đầy đủ nhất, tuy nhiên đối tượng hướng tới của bình luận này là “trẻ nhỏ” (những người dưới 8 tuổi) mà chưa phải là một sự lý giải với phạm vi rộng nhất là toàn bộ trẻ em.

Trong tài liệu “Dự án về sự sinh tồn” 2006 của Viện nghiên cứu trẻ em thuộc đại học Cape Town nghiên cứu về quyền sinh tồn và phát triển một cách đầy đủ nhất của trẻ em chỉ ra rằng [49]:

- Thứ nhất, cả yếu tố sống còn và yếu tố phát triển của trẻ em phải được hiểu và tiếp cận trong một bối cảnh rộng là sự phát triển toàn diện của trẻ em;

- Thứ hai, tài liệu chỉ ra sự sinh tồn của trẻ em nói chung đang được hiểu với cách giải thích hẹp hơn, cách giải thích của WHO, UNICEF, UNDP, WB và các tổ chức quốc tế khác tập trung chủ yếu vào trẻ em dưới 5 tuổi; và sự sinh tồn của trẻ em thường được hiểu phổ biến dưới khuôn khổ y sinh học dưới dạng tỷ lệ tử vong và tỷ lệ mắc bệnh của trẻ em dưới 5 tuổi; mặc dù gần đây đã có nhiều hoạt động

xem xét các yếu tố khác có liên quan như sức khỏe của người mẹ và trẻ em, nuôi con bằng sữa mẹ, môi trường xung quanh trẻ. Xét ở góc độ quyền trẻ em thì điều này mới chỉ tập trung một cách hạn chế trong mỗi khuôn khổ của y sinh học mà thôi, vì vậy nó không đủ để có thể có một sự ảnh hưởng toàn diện đến quyền sinh tồn và phát triển một cách đầy đủ của trẻ;

- Thứ ba, quyền sinh tồn và phát triển đầy đủ của trẻ là nguyên tắc chung của CRC, do đó nó được áp dụng trong sự giải thích của tất cả các điều tại Công ước. Điều này có nghĩa là phần lớn các quyền và nghĩa vụ được quy định trong CRC có liên quan đến vấn đề sinh tồn của trẻ em, chứ không chỉ các điều liên quan đến quyền có tiêu chuẩn sức khỏe cao nhất;

- Thứ tư, nhắc lại định nghĩa trẻ em của CRC với mức trần tiêu chuẩn là người dưới 18 tuổi, như vậy có nghĩa tất cả trẻ em theo định nghĩa của CRC đều có quyền sinh tồn và phát triển đầy đủ nhất;

- Thứ năm, chỉ ra quyền tồn tại và phát triển đầy đủ nhất của trẻ tích hợp trong nó những quy định tại các Điều 18,24,26,27,28 của CRC. [49, tr. 1,2]

Trong tài liệu này và Bình luận chung số 7 của Ủy ban về quyền trẻ em, xét về lý giải nội hàm quyền sống còn và phát triển của trẻ em (Điều 6 CRC) thì Bình luận chung số 7 có nội hàm rộng hơn ở việc tích hợp thêm các Điều 5,29,31 CRC và hẹp hơn ở việc chưa tích hợp Điều 26 CRC. Xét về đối tượng điều chỉnh của Điều 6 CRC thì tài liệu của đại học Cape Town lý giải rộng hơn khi tập trung vào toàn bộ trẻ em theo khái niệm trẻ em của CRC là chủ thể của quyền sống, tồn tại và phát triển đầy đủ nhất, còn Bình luận chung số 7 tập trung vào “trẻ nhỏ” (người dưới 8 tuổi). Tiếp thu các quan điểm trên trong phạm vi luận văn này, đề cập tới quyền sống còn và phát triển một cách tối đa quy định tại Điều 6 (2) như sau:

- Thứ nhất, tất cả trẻ em theo định nghĩa của CRC là chủ thể của quyền sống còn và phát triển một cách tối đa;

- Thứ hai, nội hàm của quyền này được lý giải bao gồm các quy định tại các Điều 5 (sự hướng dẫn của cha mẹ), 18 (nghĩa vụ chăm sóc và bảo vệ trẻ em của cha, mẹ và nghĩa vụ hỗ trợ cha, mẹ của nhà nước), 24 (quyền trẻ em được tiếp cận với

các biện pháp chăm sóc sức khỏe tốt nhất có thể và chữa bệnh), 26 (trẻ em có quyền hưởng an sinh xã hội, bảo hiểm xã hội), 27 (quyền trẻ em có mức sống thích đáng để phát triển toàn diện), 28 (quyền được giáo dục), 29 (mục đích của sự giáo dục cho trẻ em), 31 (quyền trẻ em được nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí, tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật).

Như vậy, từ hai khía cạnh được phân tích của Điều 6 CRC ở trên, theo quan điểm của tác giả có thể định nghĩa tóm tắt khái niệm quyền sống của trẻ em là: *“nhu cầu khách quan, cơ bản của trẻ em về toàn vẹn tính mạng và được bảo đảm những điều kiện tồn tại mà những điều kiện tồn tại này phải bảo đảm sự sống còn và phát triển của trẻ em một cách tối đa có thể, được pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia ghi nhận”*.

1.2. Chủ thể, tính chất, nội dung quyền sống của trẻ em

1.2.1. Chủ thể quyền sống của trẻ em

Hiện tại, CRC 1989 là văn kiện quốc tế cơ bản và toàn diện nhất về quyền trẻ em. CRC ghi nhận những quyền của trẻ em, trong đó có quyền sống của trẻ em (Điều 6). CRC cũng đưa ra định nghĩa về trẻ em (Điều 1), như vậy CRC đã xác định rõ chủ thể mang các quyền trẻ em. (Việc xác định trẻ em là ai đã được tác giả trình bày tại phần khái niệm trẻ em 1.1.1).

Liên quan tới việc xác định chủ thể quyền sống của trẻ em, một vấn đề cơ bản cần làm rõ là, quyền này có hay không áp dụng với các bào thai còn nằm trong bụng mẹ.

Quyền sống của trẻ em có áp dụng với bào thai nằm trong bụng mẹ?

Con người trước khi được sinh ra, đều trải qua quá trình thụ thai, mang thai và sinh con gắn liền với người mẹ. Vậy con người với tư cách là chủ thể của các quyền con người được tính từ khi nào, từ khi thụ thai hay từ khi được sinh ra. Hiện tại, luật nhân quyền quốc tế chưa có quy định cụ thể về thời điểm xác định là một con người có tư cách chủ thể của quyền con người và vấn đề này đã và đang được tranh luận, trao đổi.

Trên thực tế, ngay từ khi thảo luận xây dựng Tuyên ngôn nhân quyền 1948, đã có những ý kiến đóng góp của đại diện từ Chilê cho rằng, quyền sống của con người cần được áp dụng với các bào thai từ khi được thụ thai [7, tr. 108], nhưng đã bị từ chối. Tuyên ngôn nhân 1948, điều 1 quy định : “*Tất cả mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và các quyền...*”. Theo cách hiểu đó, chủ thể của quyền con người chỉ được tính từ khi đứa trẻ được sinh ra.

Tiếp đó, trong quá trình soạn thảo ICCPR 1966 cũng có những đề xuất quy định rằng, quyền sống được áp dụng đối với các bào thai nhưng cũng lại bị bác bỏ [6, tr. 64].

Xét tới phán quyết về vụ X kiện Vương quốc Anh năm 1980, tòa án nhân quyền Châu Âu cho rằng quyền sống về nguyên tắc không áp dụng đối với các bào thai người [34, tr. 9].

Cùng với phán quyết trên thì HRC chưa bao giờ chấp nhận luận điểm việc phá thai là xâm phạm quyền sống của trẻ em chưa được sinh ra, ngược lại HRC quan tâm nhiều đến khía cạnh tiêu cực đối với nhân quyền của việc cấm phá thai tại Bình luận chung số 28 đã được HRC thông qua năm 2000 [18, tr. 100].

Trong phán quyết về KL kiện Peru, HRC đã cho rằng việc phá thai khi việc tiếp tục mang thai gây ra một nguy cơ đến đời sống và sức khỏe của người mẹ không bị coi là vi phạm nhân quyền [6, tr. 65]. Trong vụ LMR kiện Argentina, HRC cho rằng việc từ chối nạo phá thai cho nạn nhân bị hiếp dâm sẽ gây ra nỗi đau cho thể xác và tinh thần của người đó, là sự vi phạm quyền của người phụ nữ [6, tr. 65]. Như vậy có thể thấy rằng, theo hệ thống pháp luật quốc tế thì bào thai người, thai nhi (trẻ em chưa được sinh ra) không phải là chủ thể của quyền sống và được coi là trẻ em với tư cách là chủ thể của quyền con người, quyền trẻ em là từ khi được sinh ra.

Tuy nhiên, CRC 1989 quy định: “*Trẻ em, do còn non nớt về cả thể chất và trí tuệ, cần được chăm sóc và bảo vệ đặc biệt, kể cả sự bảo vệ thích hợp về mặt pháp lý trước cũng như sau khi ra đời*” (lời nói đầu). Điều này có nghĩa là các quốc gia có nghĩa vụ nhất định trong việc bảo vệ sự sống của trẻ em từ khi còn là bào

thai, cho dù sự bảo vệ đó không đồng nghĩa với việc bảo vệ quyền sống của một tự nhiên nhân, mà thông thường thể hiện chủ yếu qua các chính sách chăm sóc sức khỏe của bà mẹ [34, tr. 9].

Mặc dù hệ thống pháp luật quốc tế đã có sự nhìn nhận rõ ràng về vấn đề này như đã được trình bày ở trên, tuy nhiên việc chưa có một quy định cụ thể xác định thời điểm là một con người có tư cách chủ thể của quyền con người dẫn đến những vấn đề bất cập. Hiện nay, tại Cộng hòa En Xan Va Đa (El Salvador), pháp luật công nhận con người với tư cách là chủ thể của quyền con người là từ khi được thụ thai. Cùng với đó, pháp luật quy định việc nạo phá thai, hoặc sảy thai do cố ý phá thai là tội phạm mà mức hình phạt cao nhất có thể lên đến 40 năm tù [53].

1.2.2. Tính chất quyền sống của trẻ em

Quyền sống của trẻ em là quyền con người nên nó có đầy đủ 4 thuộc tính, tính chất cơ bản của quyền con người là: tính phổ biến, tính không thể tước đoạt, tính không thể phân chia, tính liên hệ phụ thuộc lẫn nhau.

- Tính phổ biến: Được thể ở chỗ quyền sống của trẻ em là bẩm sinh, vốn có của trẻ em và được áp dụng bình đẳng cho tất cả trẻ em trong thế giới nhân loại mà không có sự phân biệt đối xử vì bất kỳ lý do gì như chủng tộc, dân tộc, giới tính, tôn giáo, thành phần xuất thân... Liên quan đến vấn đề này, cần lưu ý là bản chất của sự bình đẳng nói trên không được hiểu theo nghĩa cào bằng mức độ hưởng thụ quyền sống của trẻ em mà là bình đẳng về tư cách chủ thể của quyền sống của trẻ em. Bởi quyền sống của trẻ em phải được hiểu theo nghĩa rộng với hai góc độ là sự toàn vẹn về tính mạng và góc độ bảo đảm các điều kiện tồn tại của trẻ em và các điều kiện tồn tại này lại phải bảo đảm “sự sống còn và phát triển của trẻ em ở mức tối đa có thể”, có nghĩa ở góc độ bảo đảm các điều kiện tồn tại của trẻ em gắn liền với các nghĩa vụ chủ động, tích cực của từng quốc gia mà khả năng, nguồn lực của các quốc gia khác nhau là khác nhau. Nên mức độ hưởng thụ ở góc độ bảo đảm các điều kiện tồn tại của trẻ em phụ thuộc vào hoàn cảnh của từng trẻ em đang sinh sống (điều kiện kinh tế gia đình, điều kiện kinh tế của từng quốc gia) nhưng phải là mức độ tối

đa có thể của các quốc gia bằng nguồn lực của mình và khi cần thiết còn là trong sự hợp tác quốc tế.

- Tính không thể tước đoạt: thể hiện ở chỗ quyền sống của trẻ em không thể bị tước đoạt bởi bất kỳ chủ thể nào, kể cả cơ quan và quan chức nhà nước. Quyền sống của trẻ em là một quyền tuyệt đối nên không thể giới hạn và tạm đình chỉ thực hiện quyền này trong mọi hoàn cảnh.

- Tính không thể phân chia: thể hiện ở chỗ quyền sống của trẻ em như đã phân tích trong phần 1.1.3. chứa đựng trong nó nhiều quyền cụ thể được quy định trong CRC, các quyền này về nguyên tắc đều quan trọng và không có quyền nào được coi là có giá trị hơn quyền nào. Tuy nhiên, tính không thể phân chia hàm ý rằng trong từng hoàn cảnh cụ thể, cần và có thể ưu tiên thực hiện một số quyền nhất định hơn dựa trên những yêu cầu thực tế. Ví dụ như quyền sống của trẻ em được áp dụng cho tất cả trẻ em, nhưng ở những độ tuổi khác nhau để bảo đảm quyền này thì tùy từng giai đoạn cần tập trung hơn vào những yếu tố bảo đảm nhất định.

- Tính liên hệ phụ thuộc lẫn nhau: thể hiện ở chỗ quyền sống của trẻ em cùng với tất cả các quyền trẻ em khác được quy định trong CRC là những bộ phận nằm trong một hệ thống, chính thể thống nhất của quyền trẻ em. Tất cả các quyền trẻ em có mối quan hệ biện chứng với nhau, việc bảo đảm quyền trẻ em toàn bộ hay một phần có sự tác động qua lại và phụ thuộc lẫn nhau. Bảo đảm tốt một quyền sẽ trực tiếp hay gián tiếp tác động tích cực đến việc bảo đảm các quyền khác. Ngược lại, sự vi phạm một quyền sẽ tác động tiêu cực đến việc bảo đảm các quyền khác.

Ngoài những thuộc tính cơ bản của quyền con người, quyền sống của trẻ em còn có những tính chất riêng như sau:

- Quyền sống của trẻ em là cơ sở cho tất cả các quyền của trẻ em: Vấn đề này đã được nhấn mạnh tại Bình luận chung số 14 về quyền sống của Ủy ban nhân quyền (đoạn 1) [37, tr. 293]. Luận giải vấn đề này, PGS. TS Phạm Văn Tỉnh trong bài viết “quyền sống của con người” đã lý giải: “Con người sinh ra, trước hết phải có quyền sống. Khi quyền sống không còn, thì các quyền con người khác của người đó cũng không thể thực hiện được. Câu cửa miệng của người Việt Nam rất phù hợp

để hiểu vai trò của quyền sống trong hệ thống các quyền cụ thể của con người: “Còn người thì còn tất cả”, “chết là hết” ” [44, tr 61; 62].

- Quyền sống của trẻ em gắn bó chặt chẽ với sự phát triển của trẻ em, được quy định tại Điều 6 (2) CRC (Quyền tồn tại và phát triển một cách đầy đủ nhất có thể). Quyền này thể hiện một quá trình liên tục, bắt đầu từ việc sinh tồn đầy đủ nhất và hoàn thành bằng việc phát triển đầy đủ nhất của trẻ em. Vì vậy, mà trẻ em có quyền được sinh sống trong môi trường sống (điều kiện sống) mà làm cho trẻ em có khả năng phát triển đến tiềm năng tối đa. Ở góc độ là những điều kiện bảo đảm sự tồn tại của trẻ em bao gồm cả việc thực hiện tốt sự bảo đảm của các quyền trẻ em liên quan đến sự phát triển của trẻ như: Vai trò và trách nhiệm của gia đình (Điều 5, 18 CRC), quyền được giáo dục (Điều 28,29 CRC), quyền sức khỏe của trẻ em (Điều 24 CRC), quyền được hưởng an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội (Điều 26 CRC), quyền có mức sống thích đáng (Điều 27 CRC), quyền nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, sinh hoạt văn hóa (Điều 31 CRC).

Một câu hỏi đặt ra đó là, xét về bản chất, quyền sống của trẻ em là một quyền tuyệt đối (*absolute right*) hay chỉ là một quyền tối cao (*supreme right*)? Nếu là quyền tuyệt đối thì quyền sống không thể bị tước bỏ trong mọi hoàn cảnh, còn nếu là quyền tối cao, quyền sống được bảo vệ ở cấp độ cao nhưng vẫn có thể bị tước bỏ trong một vài hoàn cảnh đặc biệt.

Trong các Bình luận chung số 6 và số 14 về quyền sống của Ủy ban nhân quyền (HRC) đều khẳng định, quyền sống là một quyền tối cao và không được phép tạm đình chỉ thực hiện thậm chí trong cả tình trạng khẩn cấp của quốc gia. Xem xét dưới góc độ của những quy định của luật nhân quyền quốc tế thì quyền sống của con người là quyền tối cao, chứ không phải là một quyền tuyệt đối. Quyền tuyệt đối là những quyền phải được tôn trọng và áp dụng trong mọi hoàn cảnh và không cần điều kiện gì kèm theo [12, tr. 82], có nghĩa đó là quyền không thể bị giới hạn áp dụng và bị tạm đình chỉ thực hiện trong mọi hoàn cảnh. Việc ICCPR (Điều 6) vẫn quy định các điều kiện cho việc áp dụng hình phạt tử hình ở các nước vẫn còn áp dụng hình phạt này cùng với Nghị định thư tùy chọn, không bắt buộc thứ hai bổ

sung ICCPR 1966 về xóa bỏ hình phạt tử hình (thông qua năm 1989) thì luật nhân quyền quốc tế không cấm các quốc gia áp dụng hình phạt tử hình nhưng đặt ra các điều kiện giới hạn áp dụng hình phạt này và khuyến khích bãi bỏ nó. Mà bản chất của hình phạt tử hình là tước đi quyền sống của con người nên quyền sống không thể là một quyền tuyệt đối (quyền không thể bị tước đoạt trong mọi hoàn cảnh) mà quyền sống là một quyền tối cao.

Quyền sống của con người nói chung là một quyền tối cao vì những lý do đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, quyền sống của trẻ em lại là một quyền tuyệt đối (absolute right). Ngay tại Điều 6 (5) ICCPR 1966 đã quy định không được phép tuyên án tử hình với người phạm tội dưới 18 tuổi [15, tr. 82]. Như vậy đồng nghĩa với việc, luật nhân quyền quốc tế đã cấm việc áp dụng án tử hình với trẻ em. Mà trẻ em ở đây là trong phạm vi rộng nhất cùng với mức trần tiêu chuẩn của khái niệm trẻ em CRC 1989 quy định là người dưới 18 tuổi, bất kể pháp luật quốc gia các nước thành viên có quy định tuổi thành niên cho trẻ em sớm hơn hay không, thì quyền sống của những người phạm tội dưới 18 tuổi không thể bị tước bỏ bằng hình phạt tử hình. Như vậy quyền sống của trẻ em là quyền không thể tước đoạt trong mọi hoàn cảnh, trong mọi hoàn cảnh nếu có sự tước đoạt quyền sống của trẻ em bởi bất kỳ chủ thể nào và bất kỳ lý do gì thì đó là sự vi phạm, xâm phạm quyền sống của trẻ em. Nói cách khác, quyền sống của trẻ em là một quyền tuyệt đối (absolute right).

1.2.3. Nội hàm quyền sống của trẻ em

Phân tích về nội hàm quyền sống của trẻ em tại Điều 6 (1) CRC, ngoài những khía cạnh đã trình bày trong phần 1.1.3, trong Bình luận chung số 6 (thông qua năm 1982) về quyền sống của Ủy ban nhân quyền (cơ quan được lập ra theo ICCPR 1966 để giám sát việc thực hiện Công ước này) đã giải thích thêm về nội hàm, ý nghĩa, nội dung của quyền sống. Các nội dung chính có thể tóm tắt như sau[37, tr. 269-272]:

- Quyền sống là một quyền tối cao (supreme right) của con người mà không thể tạm đình chỉ thực hiện trong bất cứ hoàn cảnh nào, kể cả trong tình trạng khẩn cấp của quốc gia (Đoạn 1);

- Các mối đe dọa quyền sống trên diện rộng (quyền sống của nhiều người) như là chiến tranh, các hành động bạo lực hàng loạt, các tội ác nghiêm trọng như diệt chủng và tội phạm chống nhân loại. Để bảo đảm quyền sống, ủy ban cho rằng các quốc gia thành viên có nghĩa vụ chống chiến tranh, các hành động diệt chủng và các hành động bạo lực hàng loạt gây chết người. Ủy ban chỉ ra mối liên hệ giữa Điều 6 (quyền sống) và Điều 20 (cấm bằng pháp luật việc tuyên truyền cho chiến tranh, gây các hình thức thù hằn) rằng luật pháp sẽ cấm bất kỳ sự tuyên truyền chiến tranh hay kích động bạo lực nào như được thể hiện trong Điều 20 (Đoạn 2);

- Phòng, chống những hành động xâm phạm tính mạng con người là biện pháp quan trọng để bảo đảm quyền sống. Các quốc gia thành viên cần tiến hành các biện pháp phòng, chống và trừng trị hành động tùy tiện tước đoạt tính mạng của con người do bất cứ chủ thể nào gây ra, ủy ban nhấn mạnh trong đó bao gồm cả các cơ quan và viên chức nhà nước (Đoạn 3); Việc bắt cóc người và đưa đi mất tích cũng bị coi là một trong những hình thức tước đoạt quyền sống, các quốc gia thành viên cần tiến hành các biện pháp để ngăn chặn việc bắt cóc người và đưa đi mất tích (Đoạn 4);

- Quyền sống phải được hiểu theo nghĩa rộng (đầy đủ) bao gồm cả 2 khía cạnh là sự toàn vẹn về tính mạng và bảo đảm các điều kiện tồn tại của con người. Việc bảo đảm quyền sống đòi hỏi các quốc gia phải thực thi cả các biện pháp chủ động và thụ động để bảo đảm sự toàn vẹn tính mạng và các điều kiện tồn tại của người dân. Ủy ban chú trọng tới các biện pháp chủ động để giảm tỷ lệ tử vong của trẻ em và tăng tuổi thọ bình quân, loại bỏ suy dinh dưỡng và bệnh dịch (Đoạn 5);

- ICCPR 1966 không bắt buộc các quốc gia xóa bỏ hình phạt tử hình mà chỉ mới khuyến khích việc xóa bỏ hình phạt tử hình. Tuy nhiên, các quốc gia thành viên có nghĩa vụ giới hạn áp dụng hình phạt tử hình chỉ với các “tội ác nghiêm trọng nhất” và phải bảo đảm các thủ tục tố tụng công bằng trong các vụ án tử hình (Đoạn 6).

Giải thích về quyền sống, ngoài Bình luận chung số 6 nêu trên thì Ủy ban nhân quyền còn thông qua Bình luận chung số 14 về quyền sống (thông qua tại kỳ

họp lần thứ 23 năm 1984). Có thể tóm tắt những điểm quan trọng như sau [37, tr.293-295]:

- Ủy ban nhấn mạnh lại sự quan trọng của quyền sống rằng đó là một quyền tối cao và không được phép tạm đình chỉ thực hiện trong mọi hoàn cảnh. Khẳng định rằng, quyền sống là cơ sở cho tất cả các quyền con người (Đoạn 1);

- Nhắc lại, chiến tranh và các hành động bạo lực hàng loạt tiếp tục là sự đe dọa với mạng sống của loài người. Quan ngại về sự phát triển, sự tăng thêm của các vũ khí giết người hàng loạt và sự đe dọa của nó đối với loài người về mọi mặt. Xác định vũ khí hạt nhân là mối đe dọa lớn nhất tới quyền sống của nhân loại hiện nay (Đoạn 2,3,4);

- Xác định những hành động sản xuất, thử nghiệm, tàng trữ, triển khai và sử dụng vũ khí hạt nhân là tội ác chống lại loài người và cần được ngăn cấm (Đoạn 6).

Tất cả những sự giải thích trên của Bình luận chung số 6 và số 14 của Ủy ban nhân quyền đã làm rõ thêm một số khía cạnh pháp lý trong nội hàm của quyền sống của trẻ em với tư cách là con người có quyền sống của con người nói chung. Tuy nhiên, các nội dung trong Bình luận số 6 tại đoạn 2 và đoạn 6 đã trình bày ở trên với nội dung khẳng định quyền sống là một quyền tối cao và giới hạn việc áp dụng hình phạt tử hình chỉ với “tội ác nghiêm trọng nhất” thì chỉ thuộc nội hàm của quyền sống của con người. Còn với quyền sống của trẻ em, ngay trong Điều 6 (5) ICCPR đã quy định không được tuyên án tử hình với người phạm tội dưới 18 tuổi thì quyền sống của trẻ em là một quyền tuyệt đối, đã được phân tích trong phần bản chất của quyền này (tại 1.2.2. bản chất quyền sống của trẻ em).

Phân tích nội hàm của quyền sống của trẻ em tại Điều 6 (2) CRC 1989. Như đã trình bày trong phần 1.1.3. thì Điều 6 (2) là một quyền hàm chứa và tích hợp trong nó các quyền được quy định tại các Điều 5,18,24,26,27,,28,29,31 của CRC. Những điều này đề cập đến các nhóm vấn đề sau: vai trò và trách nhiệm của cha mẹ, chăm sóc y tế và được hưởng tiêu chuẩn sức khỏe cao nhất, mức sống thích đáng và an sinh xã hội, quyền được giáo dục, quyền được nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí và sinh hoạt văn hóa.

Vai trò và trách nhiệm của cha mẹ.

Ngay trong lời nói đầu CRC 1989, đã xác định rõ gia đình là môi trường tự nhiên gắn liền với sự tồn tại và phát triển của trẻ em, thông qua sự ghi nhận: “*Tin tưởng rằng, gia đình với ý nghĩa là tế bào xã hội cơ bản và môi trường tự nhiên cho sự phát triển và hạnh phúc của mọi thành viên, nhất là trẻ em, cần được sự bảo vệ và giúp đỡ cần thiết để đảm đương được đầy đủ trách nhiệm của mình trong cộng đồng*”, “*Thừa nhận rằng, để phát triển đầy đủ và hài hòa nhân cách của mình, trẻ em cần được lớn lên trong môi trường gia đình, trong bầu không khí hạnh phúc, yêu thương và cảm thông*”[15, tr. 161,162].

Điều 5 CRC 1989 đề cập đến vai trò của cha, mẹ đối với trẻ em trong việc chỉ bảo và hướng dẫn trẻ em thực hiện những quyền của trẻ được quy định tại CRC. Điều 5 CRC 1989 đặt ra nghĩa vụ cho các quốc gia thành viên phải tôn trọng trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ các bậc cha mẹ, hoặc trong trường hợp thích hợp, của các thành viên trong gia đình mở rộng hay của cộng đồng theo phong tục địa phương quy định, của những người giám hộ pháp lý hay những người khác chịu trách nhiệm pháp lý với đứa trẻ trong việc chỉ bảo và hướng dẫn thích hợp cho trẻ em thực hiện những quyền được thừa nhận trong CRC, theo cách phù hợp với mức độ phát triển về năng lực của đứa trẻ [15, tr. 164].

Giải thích Điều 5 CRC, trong Bình luận chung số 4 của Ủy ban về quyền trẻ em thông qua tại kỳ họp thứ 33 năm 2003, Ủy ban quyền trẻ em đưa ra định hướng thích hợp trong việc thực hiện các quyền của trẻ em (đoạn 3), nội dung chính có thể tóm tắt như sau [37, tr. 634,635]:

- Công ước ghi nhận trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ (hoặc những người khác chịu trách nhiệm về mặt pháp lý với trẻ em) “theo phương thức phù hợp với khả năng liên quan của trẻ, đưa ra những chỉ bảo và hướng dẫn thích đáng để thực thi các quyền trẻ em như ghi nhận trong Công ước”;

- Các bậc cha mẹ (hoặc người khác chịu trách nhiệm về mặt pháp lý với trẻ em) có nghĩa vụ tạo ra một môi trường an toàn và cảm thông để trẻ em có thể phát

triển, trong đó gắn liền với nghĩa vụ quan tâm đến quan điểm của trẻ, phù hợp với lứa tuổi và sự trưởng thành của các em;

- Trẻ em cần phải được các thành viên trong môi trường gia đình thừa nhận là các chủ thể mang quyền một cách tích cực, được hướng dẫn và chỉ bảo đúng đắn để đảm bảo cơ hội trở thành công dân tốt.

Trong Bình luận chung số 7 (thông qua năm 2005) của Ủy ban về quyền trẻ em, tại đoạn 16, 17 cũng lý giải thêm một số khía cạnh của Điều 5 CRC, nội dung có thể tóm tắt như sau [37, tr. 726-728]:

- Ủy ban cho rằng, quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của các bậc cha mẹ và những người chăm sóc trẻ em trong việc chỉ bảo và hướng dẫn trẻ phải luôn gắn liền với yêu cầu là họ hành động vì những lợi ích tốt nhất của trẻ em (đoạn 16);

- Ủy ban chỉ ra rằng, trẻ em không tiếp nhận một cách thụ động sự chăm sóc, hướng dẫn và chỉ bảo của người lớn mà trẻ em là những tác nhân xã hội tích cực trong quá trình này (đoạn 16);

- Ủy ban lý giải Điều 5 CRC đưa ra một nguyên tắc là cha mẹ (và những người chăm sóc khác) có trách nhiệm thường xuyên điều chỉnh sự hướng dẫn, chỉ bảo, chăm sóc của họ đối với trẻ sao cho phù hợp với mức độ phát triển các khả năng của trẻ. Những điều chỉnh này phải tính đến những lợi ích và mong muốn cũng như khả năng tự đưa ra quyết định của trẻ và phải có hiểu biết về những lợi ích tốt nhất của trẻ (đoạn 17);

- Ủy ban chỉ ra rằng, việc phát triển các khả năng của trẻ cần được nhìn nhận là một quá trình tích cực và có thể thực hiện được. Ủy ban khuyến khích các bậc cha mẹ (và những người chăm sóc khác) đưa ra những “sự hướng dẫn và chỉ bảo” theo cách quan tâm tới trẻ, thông qua đối thoại và nêu gương, theo những cách khuyến khích những khả năng thực hiện quyền của trẻ, trong đó có quyền tham gia (Điều 12 CRC) và quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng và tôn giáo của trẻ (Điều 14 CRC).

Từ những nội dung đã được trình bày ở trên, xem xét Điều 5 CRC trong mối quan hệ với các quyền khác của trẻ em, trên thực tế áp dụng cần lưu ý:

- Sự chỉ bảo, hướng dẫn của các bậc cha mẹ (và những người chăm sóc khác) không bao gồm các biện pháp bạo lực về thể chất và tinh thần (như một hình thức kỷ luật với trẻ);

- Không được áp đặt ý kiến của người lớn với trẻ em khi các em đã ở mức độ trưởng thành nhất định về nhận thức [17, tr. 66].

Điều 18 (1) CRC 1989 xác định rõ cha mẹ và tùy trường hợp là người giám hộ hợp pháp của trẻ em, có trách nhiệm đầu tiên và trách nhiệm chính trong việc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em. Và trong đó, thì những lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là điều quan tâm cơ bản của họ. Ở đây, Điều 18 (1) CRC cũng quy định nguyên tắc là cả cha và mẹ đều có trách nhiệm chung trong việc nuôi dưỡng và giáo dục con cái. Điều 18 (2) CRC quy định nhà nước có nghĩa vụ phải dành cho các bậc cha mẹ và người giám hộ hợp pháp của trẻ em những sự hỗ trợ, giúp đỡ thích đáng trong việc thực hiện trách nhiệm nuôi dưỡng trẻ. Cùng với đó, nhà nước phải đảm bảo phát triển những thể chế, phương tiện và dịch vụ cho việc chăm sóc trẻ em. Theo Điều 18 CRC, thực hiện nghĩa vụ giúp đỡ các bậc cha mẹ để họ có khả năng chăm sóc, giáo dục trẻ em là biện pháp ưu tiên áp dụng trước hết, việc giao trẻ em cho nhà nước hay cộng đồng chăm sóc chỉ là biện pháp áp sau cùng để bảo đảm quyền cho trẻ, vì trẻ em khi bị tách khỏi gia đình là về cơ bản bị mất đi môi trường tự nhiên cho sự tồn tại và phát triển nên rất dễ bị tổn thương.

Bình luận chung số 7 của Ủy ban về quyền trẻ em cũng đã giải thích về vấn đề này trong đoạn 18 (tôn trọng vai trò của cha mẹ) và đoạn 20 (sự giúp đỡ dành cho các bậc cha mẹ), nội dung chính có thể tóm tắt như sau [37, tr. 728-731]:

- Ủy ban tái khẳng định, cần chú trọng tới vai trò quan trọng của các bậc cha mẹ hay những người giám hộ hợp pháp lý chịu trách nhiệm chính trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. Xác định rõ, việc tôn trọng vai trò của cha mẹ bao gồm nghĩa vụ không cách ly trẻ em khỏi cha mẹ, trừ khi sự cách ly như thế là cần thiết cho những lợi ích tốt nhất của trẻ em (Điều 9 CRC), bởi trẻ em đặc biệt dễ bị tổn thương khi phải ly tán gia đình do sự phụ thuộc về thể chất và sự gắn bó về mặt tình cảm của trẻ đối với cha mẹ (đoạn 18);

- Ủy ban hối thúc các quốc gia thành viên nên thực hiện mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng cha mẹ chịu trách nhiệm chính đối với con cái của họ; hỗ trợ cho các bậc cha mẹ trong việc thực hiện trách nhiệm của mình, có tính đến các biện pháp xóa đói giảm nghèo, tình trạng chia rẽ và thiếu trách nhiệm trong chăm sóc trẻ em; hành động ở bất kỳ nơi nào mà cuộc sống của trẻ có thể gặp nguy hiểm. Toàn bộ mục đích của các quốc gia thành viên là giảm số trẻ em bị bỏ rơi hay mồ côi cũng như giảm thiểu con số đòi hỏi những hình thức tổ chức chăm sóc trẻ em dài hạn, ngoại trừ những trường hợp xét thấy là cần thiết vì lợi ích tốt nhất của trẻ em (như trẻ em bị cha mẹ bỏ mặc, thờ ơ, thiếu quan tâm, ngược đãi hay sỉ nhục; trẻ phải sống trong điều kiện thường xuyên xảy ra xung đột giữa cha mẹ; cha mẹ không có khả năng nuôi con vì nhiều lý do như sức khỏe, tâm thần,...; trẻ phải chịu một sự chăm sóc kém chất lượng của các tổ chức từ thiện,...) (đoạn 18);

- Ủy ban xác định, nghĩa vụ phải dành sự giúp đỡ thích đáng cho cha mẹ, người giám hộ pháp lý và những gia đình mở rộng trong việc thực hiện trách nhiệm nuôi dưỡng trẻ em của nhà nước (Điều 18 CRC) bao gồm cả việc giúp đỡ cha mẹ trong việc bảo đảm các điều kiện sống cần thiết cho sự phát triển của trẻ (Điều 27 CRC) và phải bảo đảm rằng trẻ em được nhận sự bảo vệ và chăm sóc cần thiết (Điều 3 CRC) (đoạn 20);

- Ủy ban cũng lý giải và thừa nhận trên thực tế về mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa việc thực hiện các quyền của trẻ em với điều kiện sống và nguồn lực của những người có trách nhiệm chăm sóc trẻ. Thừa nhận mối liên hệ này, Ủy ban đưa ra một số gợi ý về việc lập kế hoạch giúp đỡ và thành lập các dịch vụ dành cho cha mẹ: (i) Cách tiếp cận lồng ghép sẽ bao gồm những can thiệp, có ảnh hưởng gián tiếp tới khả năng của cha mẹ nhằm cải thiện những lợi ích tốt nhất của trẻ (ví dụ: điều chỉnh các chính sách về thuế và lợi tức, nơi ở và thời gian làm việc của các bậc cha mẹ) và thực hiện những biện pháp có tác động tức thì (ví dụ: dịch vụ y tế, giáo dục, trợ cấp xã hội cho các bậc cha mẹ); (ii) Cung cấp sự giúp đỡ thích đáng cần tính đến những vai trò, kỹ năng mới cần thiết cho các bậc cha mẹ trong việc nuôi dưỡng trẻ; (iii) Sự giúp đỡ thích đáng cho các bậc cha mẹ bao gồm việc hướng dẫn, tư vấn và

các dịch vụ có chất lượng khác cho cha mẹ và người có trách nhiệm nuôi dưỡng trẻ thực hiện trách nhiệm của họ; (iv) Sự giúp đỡ cũng bao gồm việc khuyến khích phát triển những mối quan hệ thân thuộc tốt đẹp giữa những thành viên trong gia đình với trẻ, đồng thời nâng cao hiểu biết của họ về các quyền và những lợi ích tốt nhất của trẻ em (đoạn 20).

Chăm sóc y tế và được hưởng tiêu chuẩn sức khỏe cao nhất

Điều 24 (1) CRC xác nhận quyền của tất cả trẻ em được chăm sóc y tế (tiếp cận các cơ sở chữa bệnh và phục hồi sức khỏe) và được hưởng trạng thái sức khỏe ở mức cao nhất có thể.

Điều 24 (2) CRC quy định nghĩa vụ cho các quốc gia thành viên phải thực hiện đầy đủ quyền này ở mức tối đa và phải chú trọng đặc biệt, trong việc thực hiện những biện pháp thích hợp để giải quyết các vấn đề như: giảm tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh và trẻ em; bảo đảm dành sự giúp đỡ y tế và chăm sóc sức khỏe cần thiết cho mọi trẻ em, trong đó chú trọng phát triển công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu; phát triển công tác phòng, chống bệnh tật và suy dinh dưỡng; bảo đảm việc chăm sóc sức khỏe cho người mẹ trước và sau khi sinh; thông tin, giáo dục và hỗ trợ áp trong việc áp dụng các kiến thức cơ bản về sức khỏe và dinh dưỡng của trẻ em cho toàn xã hội; phát triển các hoạt động về giáo dục và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

Điều 24 (3) CRC xác định nghĩa vụ cho các quốc gia thành viên là phải thực hiện mọi biện pháp thích hợp và hiệu quả để xóa bỏ những tập tục có hại cho sức khỏe của trẻ em.

Điều 24 (4) CRC yêu cầu các quốc gia thành viên cam kết trong việc thúc đẩy và khuyến khích sự hợp tác quốc tế để hướng tới việc thực hiện đầy đủ các quyền được quy định trong điều này.

Bình luận chung số 4 (thông qua tại kỳ họp thứ 33 năm 2003) của Ủy ban về quyền trẻ em, trong đó Ủy ban đã đưa ra nghĩa vụ cho các quốc gia thành viên phải thực hiện để bảo đảm sức khỏe và sức triển của trẻ em bao gồm [37, tr. 648-650] :

(i) Tạo ra một môi trường an toàn và cảm thông cho trẻ em trong gia đình, nhà trường, các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em, ở nơi làm việc và rộng ra là trong xã hội; (ii)

Đảm bảo cho trẻ em được tiếp cận những thông tin cần thiết cho sức khỏe và sự phát triển của trẻ và có cơ hội tham gia vào quá trình ra những quyết định ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ; đảm bảo trẻ được lĩnh hội các kỹ năng sống, có được những thông tin phù hợp với lứa tuổi và thực hiện lựa chọn những hành vi phù hợp liên quan đến sức khỏe; (iii) Đảm bảo cung cấp các phương tiện, hàng hóa, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, bao gồm các dịch vụ hướng dẫn và các dịch vụ sức khỏe tinh thần và sức khỏe sinh sản, với chất lượng phù hợp cho cả trẻ em và các bậc cha mẹ; (iv) Đảm bảo cho mọi trẻ em đều có cơ hội tham gia tích cực vào việc lập kế hoạch lên chương trình cho sự phát triển và sức khỏe của chính các em; (v) Bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức lao động gây nguy hại cho việc thụ hưởng các quyền, thông qua việc loại bỏ mọi hình thức lao động nguy hại đó và điều chỉnh môi trường, điều kiện làm việc theo các tiêu chuẩn quốc tế; (vi) Bảo vệ trẻ em tránh khỏi mọi hình thức tai nạn, thương tích cố ý hoặc vô ý, kể cả những thương tích do bạo lực và tai nạn giao thông; (vii) Bảo vệ trẻ em khỏi mọi hủ tục truyền thống có hại như tảo hôn, giết chóc vì danh dự, cắt bộ phận sinh dục nữ,...; (viii) Đảm bảo mọi trẻ em trong các nhóm đặc biệt dễ bị tổn thương được quan tâm đầy đủ và bảo vệ thích đáng; (ix) Thực thi các biện pháp phòng tránh những bất ổn về tinh thần và tăng cường sức khỏe tinh thần cho các em (đoạn 35).

Bình luận chung số 15 (thông qua năm 2013) của Ủy ban về quyền trẻ em đề cập tới nghĩa vụ, trách nhiệm của nhà nước và các chủ thể khác trong việc tôn trọng, bảo vệ và hiện thực hóa Điều 24 CRC (từ đoạn 71 đến đoạn 85), các nội dung quan trọng có thể tóm tắt như sau [48]:

- Ủy ban phân chia nghĩa vụ của nhà nước liên quan đến quyền sức khỏe của trẻ em thành 3 loại: tôn trọng quyền, bảo vệ các quyền đó không bị xâm phạm từ các bên thứ ba và từ các nguy cơ môi trường, xã hội, và thực hiện bảo đảm các quyền đó thông qua các quy định thúc đẩy hoặc các quy định trực tiếp. Các nhà nước có nghĩa vụ bảo đảm quyền này đến mức tối đa của các nguồn lực, khi cần thiết cả trong khung hợp tác quốc tế (đoạn 71);

- Ủy ban yêu cầu, tất cả các quốc gia thành viên, bất kể mức độ phát triển, đều phải hành động ngay lập tức để thực hiện những nghĩa vụ này như là ưu tiên hàng đầu và không có sự phân biệt dưới mọi hình thức. Khi nguồn lực có sẵn là không đủ thì các nhà quốc gia vẫn phải thực hiện các biện pháp cụ thể để thúc đẩy hướng tới sự bảo đảm toàn diện về quyền sức khỏe của trẻ em, càng nhanh và càng hiệu quả thì càng tốt. Bất kể nguồn lực, các nhà nước đều có nghĩa vụ không được thực hiện bất cứ hành động tiêu cực nào gây trở ngại đến việc hưởng thụ quyền sức khỏe của trẻ em (đoạn 72);

- Ủy ban xác định một số nghĩa vụ cốt lõi của nhà nước với quyền sức khỏe của trẻ em, bao gồm: (i) Rà soát lại hệ thống pháp luật quốc gia, môi trường chính sách, khi cần thiết, sửa đổi luật và chính sách cho phù hợp với quyền sức khỏe của trẻ em; (ii) Cung cấp những hành động phản ứng phù hợp với các yếu tố quyết định sâu xa; (iii) Đảm bảo sự phổ cập của các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng, bao gồm thúc đẩy sức khỏe, các dịch vụ chăm sóc và điều trị, các loại thuốc cơ bản; (iv) Phát triển, thực hiện, giám sát, đánh giá các chính sách và các kế hoạch ngân sách cho các chương trình hành động dựa trên cách tiếp cận dựa trên quyền con người để bảo đảm, hiện thực hóa, thỏa mãn quyền sức khỏe của trẻ em (đoạn 73);

- Ủy ban kêu gọi tất cả các yếu tố phi nhà nước thực hiện nghĩa vụ của mình và tham gia vào thúc đẩy hiện thực hóa quyền này (cha mẹ, người chăm sóc khác, các nhà cung cấp dịch vụ phi nhà nước, các ngành tư nhân, các phương tiện thông tin đại chúng, các nhà nghiên cứu...).

Mức sống thích đáng và an sinh xã hội

Điều 27 (1) CRC 1989 quy định trẻ em có quyền có mức sống thích đáng để phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và xã hội. Điều 27 (2) CRC xác định rõ, trách nhiệm đầu tiên trong việc bảo đảm các điều kiện sống cần thiết của trẻ em thuộc về cha mẹ và người giám hộ hợp pháp theo năng lực và khả năng tài chính của mình. Điều 27 (3) CRC quy định nghĩa vụ cho các quốc gia thành viên phải thi hành những biện pháp thích hợp để giúp đỡ các bậc cha mẹ và

các người khác chịu trách nhiệm về trẻ em trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo đảm quyền này cho trẻ em. Trong những trường hợp cần thiết, các quốc gia thành viên phải thực hiện những chương trình hỗ trợ và giúp đỡ vật chất, đặc biệt là về dinh dưỡng, quần áo và nhà ở. Điều 27 (4) CRC quy định nghĩa vụ cho các quốc gia thành viên phải tiến hành mọi biện pháp thích hợp để bảo đảm rằng cha mẹ, những người có trách nhiệm khác thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng con cái, cả khi họ ở trong nước hay nước ngoài thông qua việc thúc đẩy gia nhập, ký kết những thỏa thuận quốc tế và những cơ chế thích hợp khác.

Liên hệ chặt chẽ với quyền có mức sống thích đáng của trẻ em, Điều 26 CRC khẳng định trẻ em có quyền được hưởng an sinh xã hội, kể cả bảo hiểm xã hội. Cùng với đó, Điều 26 CRC quy định nghĩa vụ cho các quốc gia thành viên phải thi hành những biện pháp cần thiết để thực hiện đầy đủ quyền này của trẻ em phù hợp với pháp luật và nguồn lực sẵn có của nước mình.

Liên quan đến Điều 26 và 27 CRC, Bình luận chung số 7 (năm 2005) của Ủy ban về quyền trẻ em giải thích về “Mức sống và an sinh xã hội của trẻ em” tại đoạn 26, nội dung có thể tóm tắt như sau [37, tr. 734-735]:

- Ủy ban cho rằng, trưởng thành trong hoàn cảnh tương đối đói nghèo là nguyên nhân hủy hoại cuộc sống của trẻ, đời sống xã hội và cả lòng tự trọng của trẻ, đồng thời cũng làm giảm cơ hội được học hành và phát triển. Trưởng thành trong điều kiện hoàn toàn đói nghèo thậm chí còn để lại những hậu quả nghiêm trọng hơn, đe dọa tới sự tồn tại và sức khỏe của trẻ cũng như hủy hoại chất lượng cơ bản của cuộc sống;

- Vì lý do trên, Ủy ban khuyến nghị các quốc gia thành viên cần xây dựng, thực hiện các lược có tính hệ thống để làm giảm tình trạng đói nghèo ngay trong thời thơ ấu và trong suốt cuộc sống của trẻ em. Mọi biện pháp có thể đều cần được thực hiện, kể cả “các chương trình trợ giúp vật chất” cho trẻ và các gia đình (Điều 27 (3) CRC), để bảo đảm cho trẻ em một mức sống cơ bản phù hợp với các quyền của trẻ em. Trong đó, Ủy ban xác định thực hiện quyền được hưởng lợi ích từ an

sinh xã hội của trẻ, bao gồm cả bảo hiểm xã hội (Điều 26 CRC) là một yếu tố quan trọng trong bất kỳ chiến lược nào.

Quyền được giáo dục

Điều 28 (1) CRC ghi nhận quyền được giáo dục, học hành của trẻ em và chỉ ra từng bước từng bước (quy trình) thực hiện quyền này mà các quốc gia thành viên phải thực hiện, bao gồm: (i) Thực hiện chính sách giáo dục tiểu học bắt buộc, sẵn có, miễn phí cho tất cả mọi người; (ii) Khuyến khích phát triển nhiều hình thức giáo dục ở bậc cao hơn (trung học, giáo dục phổ thông và dạy nghề, đại học,...), làm cho các hình thức giáo dục này sẵn có và mọi trẻ em đều có thể tiếp cận; (iii) Làm cho những thông tin, hướng dẫn về giáo dục và dạy nghề sẵn có và mọi trẻ em đều có thể tiếp cận được; (iv) Có biện pháp khuyến khích việc đi học ở trường và giảm tỷ lệ bỏ học.

Điều 28 (2) CRC quy định kỷ luật nhà trường phải được thực hiện phù hợp với nhân phẩm của trẻ em và theo đúng Công ước. Nghĩa vụ của các quốc gia thành viên là phải thi hành các biện pháp thích hợp để bảo đảm điều này được thực hiện.

Điều 28 (3) CRC quy định nghĩa vụ cho các quốc gia thành viên trong việc thúc đẩy và khuyến khích sự hợp tác quốc tế trong những vấn đề liên quan đến giáo dục, đặc biệt là việc xóa bỏ nạn đói nát và mù chữ trên toàn thế giới. Các quốc gia phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận những kiến thức khoa học, kỹ thuật và phương pháp giảng dạy hiện đại.

Điều 29 CRC xác định rõ, mục đích của giáo dục trẻ em là: (i) Phát triển tối đa nhân cách, tài năng, các khả năng về trí tuệ và thể chất của trẻ em; (ii) Phát triển sự tôn trọng quyền con người và các tự do cơ bản, tôn trọng những nguyên tắc được ghi trong Hiến chương Liên hợp quốc; (iii) Phát triển sự tôn trọng đối với cha mẹ của trẻ em, tôn trọng bản sắc văn hóa, ngôn ngữ và các giá trị của bản thân, tôn trọng những giá trị quốc gia nơi trẻ em đang sinh sống và nguyên quán của trẻ, tôn trọng mọi nền văn minh khác với nền văn minh trẻ em được sinh ra; (iv) Chuẩn bị cho trẻ em một cuộc sống có trách nhiệm trong xã hội tự do, theo tinh thần hiểu biết, hòa bình, khoan dung, bình đẳng giữa nam và nữ và tình hữu nghị giữa các dân

tộc, các nhóm chủng tộc, sắc tộc, tôn giáo và những người gốc bản địa; (v) Phát triển sự tôn trọng với môi trường tự nhiên.

Bình luận chung số 1 (thông qua tại kỳ họp lần thứ 26 năm 2001) của Ủy ban về quyền trẻ em đề cập tới các khía cạnh của “Mục đích giáo dục” (Điều 29 CRC), một vài nội dung có thể tóm tắt như sau [37, tr. 587-600]:

- Ủy ban chỉ ra Điều 29 (1) CRC không chỉ bổ sung phương diện phẩm chất vào quyền được giáo dục được nêu trong Điều 28 CRC, mà nó còn nhấn mạnh nhu cầu giáo dục lấy trẻ em làm trung tâm, gần gũi và trao quyền hành động cho trẻ em. Mục đích giáo dục là để trao quyền chủ động cho trẻ em thông qua việc phát triển các kỹ năng, kiến thức và các khả năng khác, nhân phẩm, lòng tự trọng và sự tự tin của trẻ. Với các mục đích giáo dục như vậy, giáo dục đã vượt ra ngoài môi trường nhà trường (đoạn 2);

- Ủy ban chỉ ra rằng, những kỹ năng cơ bản trẻ em cần có phải được cung cấp đầy đủ trong quá trình giáo dục, để không một trẻ em nào rời khỏi trường mà không được trang bị chúng để đối mặt với những thách thức có thể đương đầu trong cuộc sống. Những kỹ năng cơ bản đó không chỉ bao gồm việc biết đọc, viết, làm tính mà còn có những kỹ năng sống như khả năng đưa ra những quyết định có sự cân nhắc kỹ; giải quyết mâu thuẫn bằng cách phi bạo lực; và phát triển một lối sống lành mạnh, những mối quan hệ và trách nhiệm xã hội tốt đẹp, quan điểm phê bình, năng khiếu sáng tạo và những khả năng khác mang lại cho trẻ những công cụ cần thiết để theo đuổi sự lựa chọn của trẻ trong cuộc sống (đoạn 9);

- Ủy ban chỉ ra rằng, căn cứ theo mục đích giáo dục được đề ra tại Điều 29 CRC thì cần phải lưu ý đến các loại hình giáo dục mà ngay từ đầu đã tập trung vào sự tích lũy kiến thức, thúc giục sự cạnh tranh và dẫn đến gánh nặng công việc quá mức đối với trẻ em có thể là cản trở nghiêm trọng đến sự phát triển hài hòa của trẻ đến khả năng tối đa của mình. Giáo dục nên thân thiện với trẻ, gây cảm hứng và làm động cơ thúc đẩy cho mỗi cá nhân. Trường học nên khuyến khích một không khí nhân đạo và cho phép trẻ em phát triển theo những khả năng tiến bộ của mình. (đoạn 12);

- Ủy ban chỉ ra rằng, không được xem nhẹ việc thực thi các quyền khác của trẻ em trong quá trình giáo dục. Quá trình giáo dục phải dựa trên những giá trị phổ biến của quyền con người, trẻ em không thể mất quyền con người chỉ bởi việc tình cờ đi qua cổng trường. Vì vậy giáo dục phải được thực hiện trên cơ sở tôn trọng nhân phẩm vốn có của trẻ và cho phép trẻ thể hiện những quan điểm của mình một cách tự do, phù hợp với Điều 12 (1) tham gia vào cuộc sống ở trường (đoạn 8).

Quyền được nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí và sinh hoạt văn hóa

Nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí và sinh hoạt văn hóa là những nhu cầu và hoạt động cơ bản, khách quan gắn liền với cuộc sống của con người. Là một phần không thể thiếu trong cuộc sống, nó cũng là một yếu tố không thể thiếu để bảo đảm sự phát triển toàn diện của trẻ em. Điều 31 (1) CRC thừa nhận quyền của trẻ em được nghỉ ngơi và thư giãn, được tham gia vui chơi và những hoạt động giải trí và được tự do tham gia những sinh hoạt văn hóa và nghệ thuật phù hợp với lứa tuổi. Điều 31 (2) CRC quy định nghĩa vụ của các quốc gia phải tôn trọng và thúc đẩy quyền được tham gia đầy đủ vào sinh hoạt và văn hóa nghệ thuật của trẻ em, và khuyến khích việc dành cho trẻ em những cơ hội bình đẳng, thích hợp trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giải trí và thư giãn.

1.3. Các yếu tố bảo đảm quyền sống của trẻ em

Để đảm bảo thực hiện quyền sống của trẻ em và tất cả các quyền của trẻ em có năm điều kiện cơ bản nhất phải có, đó là:

1.3.1. Điều kiện chính trị

Điều kiện chính trị là điều kiện tiên quyết và điều kiện quan trọng để bảo đảm thực hiện quyền sống của trẻ em, cũng như tất cả các quyền con người. Điều kiện chính trị là các điều kiện về tổ chức, vận hành quyền lực nhà nước trong mỗi quốc gia. Thiết chế trung tâm của hệ thống chính trị là nhà nước, quyền lực nhà nước là sức mạnh có khả năng vượt trội so với các quyền lực xã hội khác. Để có thể bảo đảm thực hiện quyền sống của trẻ em thì điều kiện chính trị với cách thức tổ chức, vận hành quyền lực nhà nước của mình phải có được một cơ chế hợp lý để có thể thực hiện hiệu quả, ở mức tối đa có thể nghĩa vụ bảo đảm thực hiện quyền sống

của trẻ em (bởi nhà nước là chủ thể chính mang nghĩa vụ bảo đảm thực hiện quyền con người) và kiểm soát tốt quyền lực nhà nước để kiềm chế tối đa sự vi phạm quyền con người của nhà nước, trong đó có quyền sống của trẻ em. Nhà nước vừa có nghĩa vụ tôn trọng quyền sống của trẻ em (không được phép vi phạm, can thiệp tiêu cực) vừa có nghĩa vụ bảo vệ và thực hiện quyền sống của trẻ em thông qua pháp luật, ghi nhận quyền sống của trẻ em và ngăn chặn cách hành vi vi phạm quyền này từ các chủ thể khác và phải có những hành động chủ động để bảo đảm các điều kiện tồn tại của trẻ em. Để thực hiện tốt được nghĩa vụ của nhà nước, điều kiện chính trị phải có được các yếu tố là pháp luật phải được đề cao và các cơ quan nhà nước phải được tổ chức và hoạt động hiệu quả, trong tất cả các hoạt động của nhà nước phải tôn trọng, đề cao và bảo đảm quyền con người. Để đáp ứng được những đòi hỏi này, điều kiện chính trị tiên quyết đó chính là phải có nhà nước pháp quyền với đầy đủ những đặc trưng cơ bản sau: là biểu hiện tập trung của một chế độ dân chủ; được tổ chức và thực hiện trong khuôn khổ của hiến pháp và pháp luật; tôn trọng, đề cao và bảo đảm quyền con người trong mọi hoạt động của nhà nước và xã hội; quyền lực nhà nước được tổ chức, thực hiện theo nguyên tắc dân chủ và phân công, kiểm soát quyền lực; có một cơ chế bảo vệ hiến pháp và pháp luật phù hợp; quyền lực nhà nước luôn được giới hạn trong các mối quan hệ: nhà nước và xã hội, nhà nước và kinh tế.

1.3.2. Điều kiện pháp lý

Quyền sống của trẻ em và tất cả các quyền con người trước tiên là những đặc quyền mà do tự nhiên con người vốn đã có. Nhưng để đạt tới quyền con người một cách đầy đủ là khi quyền con người được bảo đảm bằng pháp luật [32, tr. 7,8]. Khi được pháp luật ghi nhận, bảo đảm, bảo vệ thì các quyền con người mới thể hiện được ra bên ngoài đầy đủ những thuộc tính căn bản của mình, như tính không thể bị tước đoạt. Nếu không được bảo đảm bằng pháp luật thì quyền con người không có cơ sở pháp lý để thực hiện và khi quyền con người không được pháp luật bảo đảm, bảo vệ chống lại những sự xâm hại, vi phạm thì quyền con người vẫn chỉ nằm trong ý thức, chứ không thể tồn tại dưới dạng vật chất trong thế giới khách quan một cách

phổ biến như hiện nay (hệ thống pháp luật quốc tế, hệ thống pháp luật quốc gia các nước trên thế giới). Pháp luật cùng với thuộc tính được bảo đảm bằng nhà nước của mình là công cụ tối ưu để bảo vệ quyền con người. Pháp luật là cơ sở quy định các quyền và nghĩa vụ cho mọi chủ thể trong xã hội. Pháp luật được bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế của quyền lực nhà nước, như vậy nhà nước đã trao cho các quy phạm pháp luật tính quyền lực bắt buộc đối với mọi chủ thể (cơ quan, tổ chức, cá nhân) [39, tr. 141]. Như vậy, phải dựa trên pháp luật thì quyền con người mới được bảo đảm, bảo vệ hiệu quả.

Để đảm bảo thực hiện quyền sống của trẻ em và tất cả các quyền con người trên thực tế, điều kiện pháp lý phải có một yếu tố quan trọng là thể chế hóa các quan điểm về quyền sống của trẻ em, quyền con người thành các cơ chế pháp lý bảo đảm và thực hiện quyền con người. Ở cấp độ quốc tế, đó là cơ chế bảo đảm quyền con người của Liên hợp quốc (cơ chế bảo đảm dựa trên Hiến chương Liên hợp quốc và cơ chế bảo đảm dựa trên các Công ước quốc tế) và các văn kiện quốc tế của Liên hợp Quốc và các tổ chức thuộc Liên hợp quốc được thông qua. Ở cấp độ khu vực, là các cơ chế khu vực bảo đảm quyền con người (như cơ chế bảo đảm quyền con người của Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Phi, Đông Nam Á) cùng với thiết chế của chúng là các văn kiện mang tính khu vực được thông qua. Ở cấp độ quốc gia, là cấp độ trực tiếp để hiện thực hóa quyền con người. Cơ chế bảo đảm quyền con người của quốc gia gồm thiết chế là hệ thống các cơ quan nhà nước, thể chế là hệ thống pháp luật quốc gia. Đầu tiên, các quy định, tiêu chuẩn về quyền con người phải được ghi nhận trong pháp luật quốc gia. Việc ghi nhận các quy định về quyền con người trong pháp luật quốc gia phải phù hợp và không được trái, mâu thuẫn với các quy định, tiêu chuẩn trong các văn kiện quốc tế mà quốc gia đó là thành viên. Sau đó, cơ chế bảo đảm quyền con người của quốc gia thông qua các hoạt động của các thiết chế của mình (các cơ quan nhà nước) phải bảo đảm, bảo vệ, thực hiện quyền con người bằng việc thực hiện pháp luật.

Tầm quan trọng của pháp luật trong ý nghĩa là điều kiện bảo đảm thực thi quyền con người còn ở chỗ, pháp luật là phương tiện thúc đẩy và mang lại giá trị

hiện thực cho các điều kiện khác. Các điều kiện về chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, nhận thức đều phải thông qua pháp luật, thể hiện dưới hình thức pháp luật mới trở thành giá trị xã hội ổn định, được hiện thực hóa trên quy mô toàn xã hội và phát huy được vai trò của mình trong việc bảo đảm thực thi quyền con người [36, tr. 105,106].

1.3.3. Điều kiện kinh tế

Điều kiện kinh tế đảm bảo thực thi quyền con người là một phổ rộng gồm nhiều yêu cầu, trong đó, biểu hiện rõ nét nhất là trình độ phát triển của nền kinh tế bộc lộ qua các chỉ số đánh giá mức độ tăng trưởng, mức độ thu hẹp sự chênh lệch giàu nghèo, mức độ ổn định của chu kỳ tăng trưởng, mức độ an toàn của môi trường kinh tế đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững, mức độ kết hợp phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội... Các yêu cầu này càng đạt được ở trình độ cao thì càng tạo ra cơ sở vật chất thuận lợi cho việc bảo đảm thực thi quyền con người trên thực tế [36, tr. 107]

Để bảo đảm thực hiện quyền sống của trẻ em và tất cả các quyền con người, ngoài điều kiện về chính trị, pháp luật thuận lợi thì các nhà nước luôn cần có nguồn lực kinh tế, tài chính để bảo đảm thực hiện quyền con người. Càng thấy rõ nét hơn sự quan trọng của các nguồn lực kinh tế trong việc bảo đảm thực hiện các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa khi mà nhà nước có nhiều hơn những nghĩa vụ chủ động trong việc hiện thực hóa những quyền này, như quyền được chăm sóc y tế, quyền được hưởng an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội, quyền có mức sống thích đáng, quyền được giáo dục,... cần tới một nguồn lực dồi dào về kinh tế, tài chính. Quyền sống của trẻ em, ở góc độ bảo đảm các điều kiện tồn tại của trẻ em bao gồm bên trong nhiều quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của trẻ em (đã trình bày tại phần 1.1.3) thì điều kiện kinh tế là vô cùng quan trọng để bảo đảm thực hiện quyền sống của trẻ em.

1.3.4. Điều kiện văn hóa

Trong mọi xã hội, ở các cấp độ quốc tế, khu vực, quốc gia thì văn hóa là hiện tượng luôn tồn tại, vận động, phát triển và trong mọi mặt, mọi lĩnh vực của đời sống. Điều kiện văn hóa có mối liên hệ và tác động qua lại với tất cả các điều kiện

khác, đặc biệt là điều kiện chính trị và pháp lý. Chính trị và pháp lý tác động tới văn hóa, có thể làm thay đổi văn hóa. Văn hóa cũng tác động tới chính trị và pháp lý, văn hóa thấm sâu vào đời sống chính trị và tác động vào từng quy định pháp luật khiến cho thượng tầng chính trị và pháp lý của quốc gia này khác với quốc gia khác và khiến cho việc bảo đảm thực hiện quyền con người, trong đó có quyền sống của trẻ em ở nơi này khác với nơi khác ở những nét đặc thù của từng nơi [36, tr. 108,109]. Như vậy, những sự kết tinh các giá trị của văn hóa không phải thứ bất biến mà nó luôn vận động, phát triển và thay đổi theo thời gian và không gian. Sự phát triển, thay đổi của văn hóa gắn liền với sự phát triển của con người và quyền con người.

Điều kiện văn hóa là yếu tố quan trọng tác động đến việc bảo đảm quyền con người. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo đảm quyền con người thì điều kiện văn hóa phải ngày càng phát triển và thay đổi theo hướng tích cực. Phải hạn chế những tác động tiêu cực của văn hóa, biến đổi nó theo chiều hướng tích cực bằng cách loại bỏ đi những giá trị đã lạc hậu, không phù hợp và đưa vào nó những giá trị mới, phù hợp hơn. Cùng với đó, phải phát huy các tác động tích cực của văn hóa và làm cho nó trở nên phù hợp với các mục tiêu vì con người, với việc bảo đảm quyền con người.

1.3.5. Điều kiện về giáo dục

Xã hội phát triển cùng với sự phát triển của quyền con người. Quyền con người phát triển, gia tăng về cả chất và lượng, ngày càng có nhiều hơn các đặc quyền tự nhiên vốn có của con người được phát hiện, ghi nhận trong hệ thống pháp luật về quyền con người và các quy định về quyền con người trong hệ thống pháp luật quốc tế về quyền con người ngày càng phản ánh đầy đủ hơn, chính xác hơn, sát với bản chất pháp lý của các đặc quyền tự nhiên vốn có đó. Do đó, việc nhận thức và tiếp thu quyền con người sẽ ngày càng trở nên phức tạp hơn. Giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc giúp cho con người tiếp thu được và có được sự hiểu biết, nâng cao nhận thức về quyền con người. Thông qua giáo dục, con người hiểu được các quyền, nghĩa vụ của bản thân và của mọi người, vì thế hình thành trong họ khả

năng, năng lực hành động và lựa chọn để sử dụng quyền, bảo vệ quyền, thúc đẩy quyền của bản thân và của mọi người. Từ đó, bảo đảm cho con người sự tiếp cận với các quyền và tự do của mình và chống lại những sự xâm hại quyền hay lạm dụng quyền lực. Bên cạnh đó, điều kiện giáo dục là yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy tất cả các điều kiện khác như điều kiện chính trị, pháp lý, kinh tế, văn hóa. Với con người có chất lượng cao hơn, hiểu biết về quyền con người, biết tôn trọng nhân phẩm sẽ kéo theo các điều kiện chính trị, pháp lý, kinh tế, văn hóa buộc phải phát triển theo hướng tích cực để phù hợp với nó.

Trong hệ thống pháp luật quốc tế về quyền con người đã có nhiều văn kiện cơ bản đề cập đến tầm quan trọng của hoạt động giáo dục như, tại Điều 26 UDHR 1948, Điều 13 ICESCR 1966; Điều 28 CRC; và các đoạn 78-82 Tuyên bố Viên và Chương trình hành động được thông qua tại Hội nghị toàn thế giới về quyền con người lần thứ hai năm 1993. Qua những văn kiện này có thể thấy giáo dục quyền con người hướng tới những mục đích sau: Tăng cường sự tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người; Phát triển đầy đủ nhân phẩm và ý thức về nhân phẩm của con người; Thúc đẩy sự hiểu biết, khoan dung, bình đẳng giới và tình hữu nghị giữa các quốc gia, các nhóm dân tộc, chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ; Tạo điều kiện cho tất cả mọi người tham gia một cách hiệu quả vào các hoạt động của xã hội; Hỗ trợ các hoạt động của Liên hợp quốc về duy trì hòa bình và an ninh quốc tế [52].

Giáo dục càng quan trọng hơn đối với đối tượng trẻ em. Trẻ em đang ở trong giai đoạn quan trọng nhất của sự phát triển trong đời, giáo dục giúp cho trẻ em phát triển theo hướng toàn diện, tiếp cận và thụ hưởng các quyền con người trong đó có quyền sống của trẻ em. Hoạt động giáo dục cho những đối tượng không phải trẻ em cũng vô cùng quan trọng đối với việc bảo đảm quyền trẻ em, bởi trẻ em do còn non nớt về cả thể chất và tinh thần chưa có đủ khả năng để tự mình thực hiện một số quyền, mà việc thực hiện những quyền đó là nghĩa vụ của các chủ thể khác trong xã hội. Như vậy, giáo dục tạo ra một môi trường thuận lợi cho việc bảo đảm các quyền của trẻ em và trong đó có quyền sống của trẻ em.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Quyền sống của trẻ em là quyền cơ bản nhất của trẻ em, được ghi nhận và bảo đảm thực hiện đồng thời bởi pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam, mà điển hình là trong Công ước quốc tế về quyền trẻ em 1989 và Luật trẻ em 2016. Quyền sống của trẻ em được nhận thức đầy đủ ở cả hai góc độ là sự toàn vẹn tính mạng và các điều kiện bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của trẻ em, mà các điều kiện bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của trẻ em phải ở mức tối đa có thể được. Chương 1 của luận văn đã nghiên cứu những vấn đề lý luận về quyền sống của trẻ em, tuy nhiên quyền sống của trẻ em là một khái niệm rộng, phức tạp, một phạm trù đa diện nên cần tiếp tục được nghiên cứu, tiếp cận theo hướng đa ngành và liên ngành khoa học xã hội để có được sự nhìn nhận toàn diện hơn, đa chiều về quyền quan trọng này.

Chương 2

PHÁP LUẬT VÀ THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN SỐNG CỦA TRẺ EM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Quyền sống của trẻ em trong pháp luật Việt Nam

2.1.1. Khuôn khổ pháp luật Việt Nam về quyền sống của trẻ em

Trẻ em là đối tượng được nhà nước Việt Nam luôn quan tâm, bảo vệ đặc biệt. Nhà nước Việt Nam từ trước đến nay luôn quan tâm đến bảo vệ quyền trẻ em, trong đó có quyền sống của trẻ em. Ngay trong bản Tuyên ngôn độc lập ngày 2/9/1945 của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, được Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố với toàn thế giới và nhân dân Việt Nam, đã khẳng định: *“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”*. Có thể thấy, tư tưởng về quyền con người đã được khẳng định rõ trong Tuyên ngôn. Quyền sống là quyền cơ bản và được đề cập tới đầu tiên, cho thấy mục tiêu bảo đảm, bảo vệ quyền sống của con người, trong đó có trẻ em và quyền sống của trẻ em luôn là ưu tiên hàng đầu trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

Xét về lịch sử lập hiến, đến nay Quốc hội đã thông qua 5 bản Hiến pháp. Trong tất cả các Hiến pháp đều có quy định riêng về quyền và các lợi ích của trẻ em phải được tôn trọng và bảo vệ như: các Điều 14, 15 Hiến pháp 1946; Điều 21 Hiến pháp 1959; các Điều 63, 64, 65 Hiến pháp 1980; các Điều 40, 41, 64, 65, 67 Hiến pháp 1992; các Điều 36, 37, 58 Hiến pháp 2013. Với việc được quy định trong tất cả các bản Hiến pháp, có thể thấy rằng, nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời đã luôn ghi nhận, bảo đảm, bảo vệ, quan tâm đặc biệt đối với quyền trẻ em. Hiến pháp ghi nhận quyền trẻ em, tạo ra cơ sở căn bản cho việc ban hành các văn bản luật. Quyền trẻ em được nhà nước Việt Nam thể chế hóa trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau của hệ thống pháp luật quốc gia Việt Nam để bảo đảm, bảo vệ, thực hiện các quyền của trẻ em. Khi phân tích các quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam

hiện nay về quyền sống của trẻ em, tác giả xin được phân tích dựa trên cấu trúc được chia thành hai phần, tương ứng với hai góc độ của quyền sống của trẻ em là: góc độ về sự toàn vẹn tính mạng và góc độ về các điều kiện bảo đảm sự tồn tại của quyền sống của trẻ em.

2.1.1.1. Khuôn khổ pháp luật Việt Nam về quyền sống của trẻ em ở góc độ về sự toàn vẹn tính mạng

Hiến pháp 2013 ghi nhận quyền sống của tất cả mọi người. Tại Điều 19 Hiến pháp 2013 quy định: “*Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật*” [8]. Tại Điều 37 (1) Hiến pháp 2013 quy định: “*Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em*” [8]. Điều này nghiêm cấm những hành vi vi phạm quyền trẻ em. Việc có một quy định riêng về quyền trẻ em cho thấy, tất cả các quyền trẻ em được đề cao hơn nữa trong việc bảo đảm, bảo vệ, thúc đẩy và trong đó có quyền sống của trẻ em.

Dựa trên cơ sở được ghi nhận tại Hiến pháp 2013, quyền sống của trẻ em được ghi nhận riêng, cụ thể tại Luật trẻ em 2016. Điều 12, Luật trẻ em 2016 quy định: “*Trẻ em có quyền được bảo vệ tính mạng, được bảo đảm tốt nhất các điều kiện sống và phát triển*” [24]. Quy định tại Điều 12 Luật trẻ em là hoàn toàn phù hợp với quyền sống của trẻ em được đề cập tại Điều 6 CRC 1989, vì đã đề cập đầy đủ tới các khía cạnh, đó là sự toàn vẹn về tính mạng của trẻ em và các điều kiện bảo đảm sự tồn tại của trẻ em gắn liền với sự phát triển của trẻ và phải được đảm bảo ở mức cao nhất có thể. Luật trẻ em 2016 còn quy định nghiêm cấm các hành vi tước đoạt quyền sống của trẻ em tại Điều 6 (1) luật này. Liên quan đến nội dung được đề cập tại Điều 12 (quyền sống của trẻ em), quyền sống của trẻ em gắn liền với các điều kiện bảo đảm cho sự phát triển của trẻ. Tại Điều 4 (2) Luật trẻ em 2016 giải thích thuật ngữ “phát triển toàn diện” của trẻ em, theo đó: “*Phát triển toàn diện của trẻ em là sự phát triển đồng thời cả về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và mối*

quan hệ xã hội của trẻ em” [24] . Luật trẻ em cũng quy định việc xử lý vi phạm tại Điều 105: “*Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật*” [24]. Qua đó thấy được phương thức bảo vệ tất cả các quyền của trẻ em và quyền sống của trẻ em là sự kết hợp nhiều phương thức của nhiều ngành luật khác nhau tùy theo mức độ của hành vi vi phạm.

Quyền sống của trẻ em cũng được ghi nhận tại Bộ luật dân sự 2015. BLDS 2015 ghi nhận quyền sống của tất cả các cá nhân tại Điều 33 (1): “*Cá nhân có quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, thân thể, quyền được pháp luật bảo hộ về sức khỏe. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật*” [3]. Và phương thức xử lý của luật dân sự khi quyền sống và các quyền khác bị xâm hại được quy định tại Điều 584 BLDS 2015: “*Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác*” [3].

Bộ luật hình sự 2015 quy định về tội phạm và hình phạt, các quy định này có tác dụng bảo vệ các quyền con người khi các quyền này bị xâm hại, vi phạm ở một mức độ nguy hiểm nhất định và trong đó, có các quy định có tác dụng bảo vệ quyền sống của trẻ em.

Việt Nam là quốc gia vẫn đang áp dụng hình phạt tử hình với những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm đặc biệt lớn. Hình phạt tử hình được quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 32 BLHS 2015. Việc luật hình sự Việt Nam quy định sử dụng hình phạt tử hình là phù hợp với quy định của Hiến pháp 2013 về quyền sống, bởi trong Điều 19 Hiến pháp đã quy định: “*không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật*” đã đặt ra sự giới hạn của quyền sống ở góc độ là sự toàn vẹn về tính mạng, tính mạng có thể bị tước đoạt trong trường hợp luật quy định và sự tước đoạt tính mạng này không phải là sự vi phạm quyền sống. Việc sử dụng hình phạt tử hình cũng không trái với pháp luật quốc tế vì quyền sống là một quyền

tối cao, chứ không phải một quyền tuyệt đối. BLHS 2015 cũng quy định giới hạn phạm vi chủ thể có thể bị áp dụng hình phạt tử hình, tại Điều 91 (5) BLHS 2015 quy định rõ: “*Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người phạm tội dưới 18 tuổi*” [4]. Quy định này là hoàn toàn phù hợp với Điều 6 (5) ICCPR 1966, và như vậy trong hệ thống pháp luật quốc gia Việt Nam thì bản chất quyền sống của trẻ em là một quyền tuyệt đối.

BLHS 2015, tại chương XIV quy định về các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người (Điều 123-156). Tất cả các quy định trong chương này đều có tác dụng bảo vệ quyền sống theo nghĩa rộng, là ở cả góc độ bảo đảm các điều kiện tồn tại, quyền sống gắn liền với quyền tự do và an toàn cá nhân (quyền tự do và an toàn cá nhân được hiểu là điều kiện bảo đảm cho sự tồn tại của con người), trong đó có 10 Điều quy định các tội danh liên quan đến các hành vi trực tiếp hay gián tiếp tước bỏ tính mạng người khác trái luật, có tác dụng bảo vệ quyền sống ở góc độ là sự toàn vẹn tính mạng, đó là: Tội giết người (Điều 123); Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ (Điều 124); Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 125); Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 126); Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ (Điều 127); Tội vô ý làm chết người (Điều 128); Tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 129); Tội bức tử (Điều 130); Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát (Điều 131); Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng (Điều 132). Các tội phạm này xâm phạm đến quyền sống (quyền cơ bản nhất của con người), lại xâm phạm ở khía cạnh cơ bản nhất là sự toàn vẹn tính mạng, nên mức hình phạt của các tội phạm này là rất nghiêm khắc. Trong 10 tội phạm này, tội giết người (Điều 123) có mức hình phạt cao nhất là tử hình và tội làm chết người khi đang thi hành công vụ (Điều 127) có mức hình phạt cao nhất lên đến 15 năm tù. BLHS 2015 đã thể hiện rõ việc nhà nước thực hiện biện pháp để bảo đảm quyền sống, đó là chống các hành vi xâm hại tới quyền sống của bất kỳ chủ thể nào. Trong luật hình sự Việt Nam, quyền sống của trẻ em còn được bảo vệ đặc biệt

hon. BLHS 2015 quy định việc phạm tội với người dưới 16 tuổi (trẻ em theo pháp luật Việt Nam) là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (điểm i, Điều 52) trong việc quyết định hình phạt. Và trong 10 tội phạm liên quan đến hành vi tước bỏ tính mạng người khác trái luật (đã trình bày ở trên), có 3 tội phạm quy định việc phạm tội đối với người dưới 16 tuổi là tình tiết để định khung ở khung hình phạt cao nhất đối với tội danh đó là các tội: giết người (Điều 123); làm chết người khi đang thi hành công vụ (Điều 127); bức tử (Điều 130).

2.1.1.2. Khôn khổ pháp luật Việt Nam về quyền sống của trẻ em ở góc độ về bảo đảm các điều kiện tồn tại và phát triển của trẻ em.

Quyền sống của trẻ em ở góc độ thứ hai, là sự bảo đảm các điều kiện tồn tại và phát triển của trẻ em, nó gắn liền với việc thực hiện những nghĩa vụ chủ động, tích cực của nhà nước để bảo đảm các điều kiện này. Xét về nội hàm của quyền sống (đã trình bày tại Chương 1) thì các điều kiện bảo đảm cơ bản cho sự tồn tại và phát triển của trẻ em trong phạm vi luận văn đề cập tới, bao gồm: (i) quyền tự do và an toàn cá nhân; (ii) các điều kiện bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của trẻ em (vai trò và trách nhiệm của cha mẹ, chăm sóc y tế và được hưởng tiêu chuẩn sức khỏe cao nhất, mức sống thích đáng và an sinh xã hội, quyền được giáo dục, quyền được nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí và sinh hoạt văn hóa).

Ngoài các quy định ghi nhận quyền sống của trẻ em ở góc độ là sự toàn vẹn tính mạng, thì trong Hiến pháp 2013 cũng có những quy định trong chế định quyền con người tại chương II, ghi nhận các quyền bảo đảm điều kiện sống của trẻ em: Điều 14: Tất cả các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa đều được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật; Điều 20: Quyền tự do và an toàn cá nhân (hay an ninh cá nhân); Điều 34: Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; Điều 38: Quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, chăm sóc y tế; Điều 39: Quyền được học tập, giáo dục; Điều 41: Quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa.

Tại chương III Hiến pháp 2013 quy định về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường, có những quy định trực tiếp liên quan đến trẻ em ở góc độ là những điều kiện bảo đảm cho quyền sống của trẻ em:

- Điều 58 (2): Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người mẹ, trẻ em, thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

- Điều 61 (2): Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư khác cho giáo dục; chăm lo giáo dục mầm non; bảo đảm giáo dục tiểu học là bắt buộc, Nhà nước không thu học phí; từng bước phổ cập giáo dục trung học; phát triển giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; thực hiện chính sách học bổng, học phí hợp lý.

Bên cạnh các quy định của Hiến pháp 2013, quyền sống của trẻ em ở góc độ là những điều kiện bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển còn được thể chế hóa trong nhiều văn bản pháp luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam:

(i) Luật hình sự 2015

BLHS 2015 quy định về hình phạt tử hình và giới hạn áp dụng hình phạt tử hình (Điều 40 luật hình sự 2015). Trong đó, có quy định không áp dụng hình phạt tử hình và không thi hành án tử hình với phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi (với trường hợp không thi hành án tử hình, tức đã bị kết án tử hình mà là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì chuyển thành hình phạt tù chung thân). Thứ nhất, quy định này cho thấy pháp luật hình sự Việt Nam hoàn toàn phù hợp với nội dung của CRC 1989 khi đã bảo vệ sự sống của trẻ em từ trước khi được sinh ra, mặc dù đó không phải là sự bảo vệ quyền sống của một tự nhiên nhân (không tử hình phụ nữ có thai). Thứ hai, pháp luật hình sự Việt Nam bảo đảm điều kiện tồn tại và phát triển của trẻ em khi thấy rõ sự gắn kết, mối liên hệ quan trọng trong sự sống và phát triển của trẻ em ở giai đoạn đầu đời với người mẹ (không tử hình phụ nữ nuôi con dưới 36 tháng tuổi).

Bộ luật hình sự 2015, tại chương XIV quy định về các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người (Điều 123-156). Ngoài 10 tội phạm liên quan đến việc tước đoạt mạng sống của người khác (đã trình bày ở phần trên) thì tất cả các quy định trong chương này, đều có tác dụng bảo vệ quyền

sống, là ở góc độ bảo đảm các điều kiện tồn tại, quyền sống gắn liền với quyền tự do và an toàn cá nhân. Luật hình sự bảo vệ đối tượng trẻ em ở mức độ rất cao, thể hiện ở việc quy định rằng, phạm tội với người dưới 16 tuổi và phụ nữ có thai là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong việc quyết định hình phạt (Điểm i, khoản 1, Điều 52 Luật hình sự 2015). BLHS 2015 cũng quy định, trong một số tội phạm trong chương XIV thì phạm tội với người dưới 16 tuổi là tình tiết tăng nặng để định khung ở khung hình phạt cao hơn hoặc cao nhất. BLHS 2015 cũng quy định những tội phạm riêng liên quan tới các hành vi xâm hại đến đối tượng là trẻ em như: Điều 142 (tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi); Điều 144 (tội cưỡng dâm người từ đủ 13 đến 16 tuổi); Điều 145 (tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi); Điều 146 (tội dâm ô với người dưới 16 tuổi); Điều 147 (tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm); Điều 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi); Điều 152 (tội đánh tráo người dưới 1 tuổi); Điều 153 (tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi);

(ii) Nghị định số 144/2003/NĐ-CP của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em

Trong Nghị định này quy định những hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính đối với vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Để đảm bảo thực hiện các quyền trẻ em nói chung, quyền sống của trẻ em nói riêng đã được pháp luật ghi nhận, các quy định (Điều 21-34) quy định những hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ, chăm sóc trẻ em cùng với hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả của từng hành vi cụ thể. Tất cả các quy định này đều có tác dụng bảo vệ quyền sống của trẻ em ở góc độ là những điều kiện bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của trẻ.

(ii) Luật trẻ em 2016

Luật trẻ em 2016 quy định về quyền và bổn phận của trẻ em, trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em. Đây là đạo luật có ý nghĩa quan trọng trong việc

bảo vệ những quyền con người của trẻ em (quyền trẻ em), các nội dung của luật trẻ em 2016 thể hiện được việc nội luật hóa các quy định của CRC 1989. Trong luật trẻ em 2016 ngoài quy định ghi nhận trực tiếp quyền sống của trẻ em (Điều 12), còn có những quy định ghi nhận các quyền, là những điều kiện bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển đến mức tối đa của trẻ em:

- Quyền tự do và an toàn cá nhân của trẻ em được ghi nhận trong Luật trẻ em 2016 thông qua những quy định sau: Điều 30 (Quyền được bảo vệ trong tố tụng và xử lý vi phạm hành chính); các Điều 25, 26, 27, 28 (Quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục, bóc lột sức lao động, bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt); Điều 29 (Quyền được bảo vệ khỏi chất ma túy); Điều 31 (Quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường, xung đột vũ trang);

- Các quyền là điều kiện bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển đến mức tối đa của trẻ em trong phạm vi của luận văn đề cập tới, cũng được ghi nhận trong luật trẻ em 2016 ở những quy định, có thể tóm tắt nội dung như sau:

Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em và vai trò của cha, mẹ:

Điều 15: Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện.

Điều 22: Trẻ em có quyền được chung sống với cha mẹ, được cả cha và mẹ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trừ trường hợp cách ly cha mẹ theo quy định của pháp luật hoặc vì lợi ích tối nhất của trẻ.

Điều 96: Bảo đảm cho trẻ em được sống với cha, mẹ.

Điều 98: Quy định về việc thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em của gia đình, cá nhân và cơ sở giáo dục. Trong đó, cha mẹ, người chăm sóc trẻ em có trách nhiệm trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý, giáo dục trẻ em, phải dành điều kiện tốt nhất trong khả năng của mình cho sự phát triển liên tục, toàn diện của trẻ em, chú trọng đặc biệt trẻ em dưới 36 tháng tuổi và có trách nhiệm thường xuyên liên hệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm để được hướng dẫn, trợ giúp trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ của mình. Trong việc

chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ cha mẹ, người chăm sóc có trách nhiệm bảo đảm chế độ dinh dưỡng phù hợp với sự phát triển của trẻ theo từng độ tuổi; thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh cho trẻ em; trau dồi kiến thức, kỹ năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em; tạo môi trường lành mạnh cho sự phát triển toàn diện của trẻ em.

Điều 42: Quy định về nghĩa vụ của nhà nước trong việc bảo đảm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em. Trong đó quy định, nhà nước có những chính sách trợ cấp, trợ giúp, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn để thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em; khuyến khích cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân tham gia trợ giúp, chăm sóc trẻ em; hỗ trợ về đất đai, tín dụng, thuế cho tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em theo quy định của pháp luật.

Điều 47 (4): Trẻ em được ưu tiên bảo vệ tại gia đình, gia đình nhận chăm sóc thay thế. Việc đưa trẻ em vào cơ sở trợ giúp xã hội là biện pháp tạm thời khi các hình thức chăm sóc tại gia đình, gia đình thay thế không thực hiện được hoặc vì lợi ích tối nhất của trẻ em.

Các quy định tại Điều 6 (2;3;6) (Nghiêm cấm các hành vi bỏ rơi, bỏ mặc, bạo lực, xâm hại tình dục, lạm dụng, bóc lột sức lao động của trẻ em, cản trở trẻ thực hiện quyền và bổn phận của mình), Điều 75 (Bảo đảm sự tham gia của trẻ em trong gia đình) cũng đã chỉ ra rằng, trong khi thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ thì các bậc cha mẹ, người chăm sóc trẻ không được phép vi phạm trong quá trình thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.

Các quy định trên là phù hợp với Điều 18 CRC khi xác định nghĩa vụ, trách nhiệm đầu tiên trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em thuộc về cha mẹ, người chăm sóc trẻ em khác và xác định nghĩa vụ của nhà nước phải hỗ trợ, trợ giúp các bậc cha mẹ, người chăm sóc trẻ em, dành cho họ những sự trợ giúp thích đáng trong việc thực hiện trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. Cùng với đó Luật trẻ em 2016 cũng có những quy định về việc chăm sóc thay thế cho trẻ em trong những trường hợp cần thiết tại (Điều 60-69).

Chăm sóc y tế và được hưởng tiêu chuẩn sức khỏe cao nhất.

Điều 14 (Quyền được chăm sóc sức khỏe của trẻ em): Trẻ em có quyền được chăm sóc tốt nhất về sức khỏe, được ưu tiên tiếp cận, sử dụng dịch vụ phòng, khám, chữa bệnh.

Điều 43 (Bảo đảm về chăm sóc sức khỏe trẻ em): Quy định nghĩa vụ của nhà nước trong việc bảo đảm về chăm sóc sức khỏe trẻ em. Theo đó, nhà nước có những nghĩa vụ sau: (a) Nhà nước có chính sách phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội từng thời kỳ để hỗ trợ, bảo đảm mọi trẻ em được chăm sóc sức khỏe, ưu tiên cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; (b) Nhà nước bảo đảm thực hiện các biện pháp theo dõi sức khỏe định kỳ cho phụ nữ mang thai và trẻ em theo độ tuổi; chăm sóc dinh dưỡng, sức khỏe ban đầu và tiêm chủng cho trẻ em; phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; tư vấn và hỗ trợ trẻ em trong việc chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục phù hợp với độ tuổi theo quy định của pháp luật; (c) Ưu tiên tư vấn, bảo vệ, chăm sóc về sức khỏe, dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, bà mẹ nuôi con dưới 36 tháng tuổi và trẻ em, đặc biệt là trẻ em dưới 36 tháng tuổi, trẻ em bị xâm hại phù hợp với Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ; (d) Nhà nước có chính sách, biện pháp tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, Điều trị trước sinh và sơ sinh; giảm tỷ lệ tử vong trẻ em, đặc biệt là tử vong trẻ sơ sinh; xóa bỏ phong tục, tập quán có hại, ảnh hưởng đến sức khỏe trẻ em; (e) Nhà nước đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho trẻ em theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế phù hợp với độ tuổi, nhóm đối tượng và phù hợp với Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ; (f) Nhà nước có chính sách, biện pháp để trẻ em được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh và Điều kiện vệ sinh cơ bản, bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật; (g) Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân ủng hộ, đầu tư nguồn lực để bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, ưu tiên cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Các quy định trên của Luật trẻ em 2016 là phù hợp với nội dung của Điều 24 CRC 1989.

Mức sống thích đáng và an sinh xã hội

Điều 32 (Quyền được bảo đảm an sinh xã hội): Quy định trẻ em được bảo đảm an sinh xã hội theo quy định của pháp luật phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội nơi trẻ em sống và điều kiện của cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em.

Liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ để bảo đảm quyền này của trẻ em được thực hiện, Luật trẻ em 2016 đã quy định tại Điều 98 (nghĩa vụ của cha mẹ và người chăm sóc); Điều 42 (nghĩa vụ của nhà nước) đã được trình bày ở trên.

Quyền được giáo dục.

Điều 16 (Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu): Quy định trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân, được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh.

Điều 44 (Bảo đảm về giáo dục cho trẻ em): Quy định về nghĩa vụ của nhà nước trong việc thực hiện bảo đảm quyền giáo dục cho trẻ em, trong đó nội dung có thể tóm tắt như sau: (a) Nhà nước có chính sách hỗ trợ, bảo đảm mọi trẻ em được đi học, giảm thiểu tình trạng trẻ em bỏ học; có chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em đang sinh sống tại các xã biên giới, miền núi, hải đảo và các xã có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tiếp cận giáo dục phổ cập, giáo dục hòa nhập, được học nghề và giới thiệu việc làm phù hợp với độ tuổi và pháp luật về lao động; (b) Nhà nước ưu tiên đầu tư cho giáo dục, bảo đảm công bằng về cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi trẻ em; giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật; có chính sách miễn, giảm học phí cho từng nhóm đối tượng trẻ em phù hợp với Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ; (c) Chương trình, nội dung giáo dục phải phù hợp với từng độ tuổi, từng nhóm đối tượng trẻ em, bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện và yêu cầu hội nhập; chú trọng giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc và phát triển nhân cách, kỹ năng sống, tài năng, năng khiếu của trẻ em; giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản cho trẻ em; (d) Nhà nước quy định môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; (e) Nhà nước có chính sách phù hợp để phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi và chính sách

hỗ trợ để trẻ em trong độ tuổi được giáo dục mầm non phù hợp với Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ; khuyến khích, thu hút các nguồn đầu tư khác để phát triển giáo dục, đào tạo.

Quyền được nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí và sinh hoạt văn hóa.

Điều 17 (Quyền vui chơi, giải trí): Quy định trẻ em có quyền vui chơi, giải trí; được bình đẳng về cơ hội tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với độ tuổi.

Điều 45 (Bảo đảm điều kiện vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao, du lịch cho trẻ em): Quy định nghĩa vụ của nhà nước trong việc thực hiện bảo đảm quyền vui chơi, giải trí của trẻ em. Trong đó, nội dung có thể tóm tắt như sau: (a) Nhà nước có chính sách hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình văn hóa nghệ thuật; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở cho trẻ em; có chính sách ưu tiên trẻ em khi sử dụng dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao, du lịch và tham quan di tích, thắng cảnh; (b) Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bố trí quỹ đất, đầu tư xây dựng Điểm vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao cho trẻ em; bảo đảm Điều kiện, thời gian, thời Điểm thích hợp để trẻ em được tham gia hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; (c) Nhà nước tạo Điều kiện để trẻ em giữ gìn, phát huy bản sắc dân tộc, văn hóa tốt đẹp và được sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình; (d) Nhà nước khuyến khích tổ chức, gia đình, cá nhân tham gia ủng hộ, đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ trẻ em vui chơi, giải trí; khuyến khích sáng tạo, sản xuất đồ chơi, trò chơi cho trẻ em bảo đảm an toàn, lành mạnh, mang bản sắc văn hóa dân tộc.

(iii) Luật dân sự 2015

Điều 16 BLDS 2015 (Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân): Quy định mọi cá nhân đều có năng lực pháp luật dân sự như nhau và năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết. Từ quy định này, ta cũng có thể gián tiếp suy ra một vấn đề khác, đó là trong hệ thống pháp luật Việt Nam thì con người, trẻ em được coi là một chủ thể của quyền con người là từ lúc được sinh ra.

Các quyền nhân thân được quy định trong Bộ luật dân sự 2015 là áp dụng và được bảo vệ với tất cả mọi người (cả người lớn và trẻ em) trong đó có các quy định liên quan đến quyền sống của trẻ em: Điều 33 (Quyền sống, quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể); Điều 39 (Quyền nhân thân trong hôn nhân gia đình).

(iv) Luật hôn nhân gia đình 2014

Chương V Luật hôn nhân gia đình 2014 quy định quyền, nghĩa vụ của các chủ thể trong mối quan hệ giữa cha mẹ và con. Trong đó có nhiều quy định liên quan đến vai trò, trách nhiệm của cha mẹ đối với con, là một trong những điều kiện bảo đảm sự tồn tại và phát triển của trẻ em: Điều 69 (Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ); Điều 70 (Nghĩa vụ và quyền của con); Điều 71 (Nghĩa vụ và quyền chăm sóc nuôi dưỡng); Điều 72 (Nghĩa vụ và quyền giáo dục con); Điều 74 (Bồi thường thiệt hại do con gây ra).

(v) Luật giáo dục 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Điều 10 (Quyền và nghĩa vụ học tập của công dân): Quy định việc học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân đều bình đẳng về cơ hội học tập. Điều 11 (Phổ cập giáo dục): Quy định, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Nhà nước quyết định kế hoạch phổ cập giáo dục, bảo đảm các điều kiện để thực hiện phổ cập giáo dục trong cả nước;

Điều 105 (1): Quy định học sinh tiểu học trường công lập không phải đóng học phí.

Điều 13 (Đầu tư cho giáo dục): Quy định rằng, đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển. Đầu tư trong lĩnh vực giáo dục là hoạt động đầu tư đặc thù thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện và được ưu đãi đầu tư. Nhà nước ưu tiên đầu tư cho giáo dục; khuyến khích và bảo hộ các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư cho giáo dục. Và đặc biệt, quy định cụ thể ngân sách nhà nước phải giữ vai trò chủ yếu trong tổng nguồn lực đầu tư cho giáo dục.

(vi) Luật bảo hiểm y tế 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Điều 1 (1): Định nghĩa, nêu rõ bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm bắt buộc được áp dụng với các đối tượng theo quy định của Luật này để chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận do nhà nước tổ chức thực hiện.

Điều 12 (Đối tượng tham gia bảo hiểm y tế): Quy định các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế. Tại điểm e, khoản 3, điều này quy định trẻ em dưới 6 tuổi thuộc nhóm do ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế. Tại điểm b, khoản 4, điều này quy định học sinh, sinh viên thuộc nhóm được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng.

Có thể thấy, các quy định trên của Luật bảo hiểm y tế đã chú trọng, ưu tiên tới đối tượng trẻ em trong việc được tham gia vào hình thức bảo hiểm do nhà nước tổ chức thực hiện, để đảm bảo quyền được chữa bệnh và hưởng tiêu chuẩn sức khỏe cao nhất của trẻ em.

(vii) Nghị định số 136/2013/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Điều 5 (1): Quy định trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc các trường hợp có điều kiện khó khăn theo quy định tại điều này (từ điểm a – l) và trẻ em bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo (Điều 5, khoản 3) thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

2.1.1.3. Hệ thống các thiết chế liên quan đến việc thực hiện và bảo đảm quyền sống của trẻ em.

Quốc hội là thiết chế đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm quyền sống của trẻ em, thông qua việc thực hiện chức năng của mình tạo ra thể chế, khuôn khổ pháp lý bảo đảm quyền sống của trẻ em và giám sát Chính phủ trong việc thực thi pháp luật đã ban hành. Quốc hội phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế, đây là chức năng quan trọng tạo nên cơ sở cho quá trình lập pháp tạo ra được khuôn khổ pháp lý quốc gia tiên tiến, phù hợp với các giá trị chung được toàn nhân loại thừa nhận như quyền trẻ em, quyền con người, thông qua việc tham gia, gia nhập các điều ước quốc tế và áp dụng hoặc nội luật hóa chúng vào pháp luật quốc gia. Quốc hội quyết định các vấn đề quan trọng về kinh

tế- xã hội, chức năng này là vô cùng quan trọng trong việc hiện thực hóa quyền sống của trẻ em.

Cơ quan giám sát lĩnh vực về trẻ em của Quốc hội là Ủy ban văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng. Ủy ban văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên, nhi đồng thẩm tra dự án luật, pháp lệnh và trình dự án luật trước Quốc hội, trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban thường vụ quốc hội về những lĩnh vực ủy ban phụ trách (dự án luật, pháp lệnh thuộc lĩnh vực văn hóa, giáo dục, thông tin, truyền thông, tín ngưỡng, tôn giáo, du lịch, thể thao, thanh niên, thiếu niên, nhi đồng và các dự án khác do Quốc hội và ủy ban thường vụ quốc hội giao). Đồng thời, giám sát việc thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của ủy ban thường vụ quốc hội; giám sát hoạt động của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc thực hiện thực hiện chính sách về những lĩnh vực Ủy ban phụ trách (Điều 75 Luật tổ chức Quốc hội 2014).

Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, do cử tri của địa phương bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân và cơ quan nhà nước cấp trên (Điều 6 Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015). Liên quan đến vấn đề thực hiện, bảo đảm quyền trẻ em thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, chương trình, kế hoạch kinh tế - xã hội theo thẩm quyền để thực hiện quyền trẻ em và giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo quy định pháp luật, phân bổ ngân sách hàng năm để bảo đảm thực hiện quyền trẻ em. Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm ban hành nghị quyết để thực hiện và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em trên địa bàn theo nhiệm vụ, quyền được giao.

Chính phủ với vị trí là cơ quan hành chính cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là cơ quan chấp hành của Quốc hội, với chức năng thực hiện quyền hành pháp (Điều 1 Luật tổ chức Chính phủ 2015). Liên quan đến vấn đề thực hiện và bảo đảm quyền trẻ em, Chính phủ thi hành các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em, mọi người và toàn xã hội (Điều 21 Luật tổ chức Chính phủ 2015). Thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở mọi lĩnh vực, trong đó

có những lĩnh vực liên quan trực tiếp tới quyền sống của trẻ em (an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; các chính sách xã hội; y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân; giáo dục đào tạo; kinh tế; văn hóa, thể thao, du lịch; thông tin, truyền thông....) (Điều 8-15; 20, 22 Luật tổ chức Chính phủ 2015). Chính phủ đề xuất, xây dựng trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ quốc hội xem xét, quyết định và quyết định trong thẩm quyền của mình, thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và các chương trình, dự án (Điều 7 Luật tổ chức Chính phủ 2015).

Bộ lao động – Thương binh và xã hội có trách nhiệm tổ chức, phối hợp, xây dựng và thực hiện các kế hoạch, chương trình, chính sách, chiến lược liên quan đến công tác chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ em trong phạm vi cả nước và thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động công tác đó. Trong Bộ lao động – Thương binh và xã hội, đơn vị trực thuộc có trách nhiệm giúp đỡ Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ trẻ em là Cục bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Cũng cần kể đến một tổ chức xã hội thuộc sự quản lý trong lĩnh vực hoạt động của Bộ lao động – Thương binh và xã hội là Hội bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam, với chức năng tập hợp, đoàn kết các cá nhân, tổ chức của Việt Nam tự nguyện hoạt động vì mục đích làm cho trẻ em được hưởng các quyền cơ bản, tham gia ngăn chặn mọi hành vi xâm hại quyền trẻ em theo quy định của pháp luật và hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về trẻ em theo thẩm quyền; tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, kế hoạch, chương trình Mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em; ban hành theo thẩm quyền chính sách, pháp luật bảo đảm thực hiện quyền trẻ em phù hợp với đặc điểm, điều kiện của địa phương.

Tòa án nhân dân các cấp áp dụng nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em, yêu cầu và biện pháp tư pháp cho trẻ em để tiến hành xét xử hành vi vi phạm quyền trẻ em, trẻ em vi phạm pháp luật, ra quyết định tư pháp đối với trẻ em hoặc có liên quan đến trẻ em.

Viện kiểm sát nhân dân các cấp áp dụng nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em, yêu cầu và biện pháp tư pháp cho trẻ em để thực

hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với trẻ em hoặc có liên quan đến trẻ em. Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn Viện kiểm sát nhân dân các cấp thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp đối với trẻ em hoặc có liên quan đến trẻ em phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Trên đây chỉ là những thiết chế quan trọng nhất, chưa phải tất cả những thiết chế trong hệ thống các thiết chế của cơ chế bảo đảm, bảo vệ quyền sống của trẻ em của Việt Nam. Mỗi thiết chế có chức năng, nhiệm vụ riêng, cụ thể nhưng có mối quan hệ chặt chẽ đối với các thiết chế còn lại, thống nhất với nhau để bảo đảm, bảo vệ, thực hiện quyền sống của trẻ em. Luật trẻ em 2016 trong các Điều 79 – 95 quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc bảo đảm, thực hiện quyền trẻ em.

2.1.2. Mức độ tương thích của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về quyền sống của trẻ em

Thông qua việc nghiên cứu, tìm hiểu những quy định về quyền sống của trẻ em của hệ thống pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam, có thể thấy rằng hệ thống pháp luật Việt Nam về cơ bản là phù hợp với hệ thống pháp luật quốc tế.

Đầu tiên, xem xét quyền sống của trẻ em dưới góc độ là sự toàn vẹn tính mạng thì các quy định cơ bản nhất của hệ thống pháp luật Việt Nam là Điều 19 Hiến pháp 2013 (quyền sống), Điều 12 Luật trẻ em 2016 (quyền sống của trẻ em) và các quy định của Bộ luật hình sự 2015. Như đã phân tích (trong phần 2.1.1.), Điều 19 Hiến pháp 2013 ghi nhận mọi người có quyền sống, tính mạng con người được pháp luật bảo hộ, không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật. Cùng với quy định tại Điều 40 BLHS 2015 về hình phạt tử hình, thì Việt Nam là quốc gia vẫn duy trì sử dụng hình phạt tử hình và tính mạng của con người có thể bị tước đoạt bằng hình phạt tử hình theo luật không bị xem là hành vi vi phạm quyền sống. Như vậy, quyền sống theo hệ thống pháp luật Việt Nam là một quyền tối cao, chứ không phải một quyền tuyệt đối. Tuy nhiên, quyền sống của trẻ em lại là một quyền tuyệt đối. Tại Điều 40 (2) quy định không áp dụng hình phạt tử hình với người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, đã giới hạn không áp dụng

hình phạt này đối với trẻ em. Quy định này của BLHS 2015 không chỉ thể hiện rằng quyền sống của trẻ em là một quyền tuyệt đối, mọi hành vi tước đoạt tính mạng của trẻ em đều là hành vi vi phạm đến quyền sống của trẻ em, mà còn thể hiện được là sự bảo đảm cho các điều kiện tồn tại và phát triển của trẻ em khi quy định không áp dụng hình phạt tử hình với cả phụ nữ đang mang thai và phụ nữ nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Những quy định nêu trên của hệ thống pháp luật Việt Nam là hoàn toàn phù hợp với các quy định về quyền sống của trẻ em trong hệ thống pháp luật quốc tế (Điều 6 ICCPR 1966; Điều 6 CRC 1989).

Thứ hai, xem xét quyền sống của trẻ em ở góc độ là những điều kiện bảo đảm cho sự phát triển và tồn tại của trẻ em. Trước tiên là sự so sánh giữa 2 quy định ghi nhận trực tiếp quyền sống của trẻ em của pháp luật Việt Nam và hệ thống pháp luật quốc tế, Điều 6 Luật trẻ em 2016 có nội dung phù hợp với Điều 6 CRC 1989 khi thể hiện được quyền sống của trẻ em ở cả hai góc độ là sự toàn vẹn tính mạng và bảo đảm các điều kiện sống và phát triển của trẻ em ở mức cao nhất. Tiếp theo là các quyền của trẻ em được xem là điều kiện bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của trẻ được ghi nhận trong Luật trẻ em 2016 bao gồm: quyền được chăm sóc nuôi dưỡng (Điều 15); quyền được chung sống với cha mẹ (Điều 22); bảo đảm về chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em (Điều 42); quyền được chăm sóc sức khỏe (Điều 14); quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu (Điều 16); quyền vui chơi, giải trí (Điều 17); quyền được bảo đảm an sinh xã hội (Điều 32). Nội dung của các quy định này về cơ bản là phù hợp và đầy đủ so với các quy định có nội dung tương ứng được ghi nhận tại CRC 1989. Qua các sự so sánh cơ bản nhất, có thể thấy hệ thống pháp luật Việt Nam về cơ bản là phù hợp với hệ thống pháp luật quốc tế về quyền sống của trẻ em, quyền sống của trẻ em còn nằm trong rất nhiều quy định của các luật chuyên ngành khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Và để tiệm cận gần hơn với các tiêu chuẩn của hệ thống pháp luật quốc tế về quyền sống của trẻ, pháp luật Việt Nam cần tiếp tục rà soát và loại bỏ những quy định không phù hợp với pháp luật quốc tế, bổ sung các quy định thiếu sót trong các luật chuyên ngành.

2.2. Thực trạng bảo đảm quyền sống của trẻ em ở Việt Nam

2.2.1. Thực trạng bảo đảm quyền sống của trẻ em ở góc độ là sự toàn vẹn về tính mạng

Hiến pháp 2013 là sự phát triển vượt bậc trong việc thực hiện, bảo đảm, bảo vệ, thúc đẩy quyền sống của trẻ em. Quyền sống của trẻ em được Hiến pháp 2013 ghi nhận, thông qua việc lần đầu tiên ghi nhận trực tiếp quyền sống của tất cả mọi người trong Hiến pháp (Điều 19 Hiến pháp 2013) và việc ghi nhận sự bảo hộ của pháp luật đối với tất cả các quyền của trẻ em, nghiêm cấm tất cả các hành vi vi phạm quyền trẻ em (Điều 37 Hiến pháp 2013). Việc được ghi nhận trong Hiến pháp góp phần làm cho quyền sống của trẻ em được bảo đảm, bảo vệ, thực hiện tốt hơn, bởi trong hệ thống pháp luật Việt Nam thì Hiến pháp là đạo luật có hiệu lực cao nhất. Việc được ghi nhận trong Hiến pháp cũng làm cho quyền sống của trẻ em được chú trọng, chú ý, sự hiểu biết về quyền này được nâng cao trong toàn xã hội, bởi Hiến pháp là đạo luật cơ bản nhất và như thế, góp phần tạo ra môi trường thuận lợi cho việc thực hiện, bảo đảm quyền sống của trẻ em. Việc ghi nhận này làm cho hệ thống pháp luật quốc gia Việt Nam phù hợp hơn với hệ thống pháp luật quốc tế và thể hiện việc thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ của quốc gia thành viên đối với các điều ước quốc tế về quyền con người có nội dung liên quan tới quyền sống của trẻ em mà nước ta đã ký kết, phê chuẩn. Tuy nhiên, như đã phân tích trong phần 2.1. thì trong hệ thống pháp luật Việt Nam, quyền sống của trẻ em là một quyền tuyệt đối, mặc dù pháp luật Việt Nam vẫn sử dụng hình phạt tử hình nhưng sự giới hạn không áp dụng hình phạt này với người dưới 18 tuổi là một nội dung vô cùng quan trọng để thấy được bản chất quyền sống của trẻ em, vì vậy quy định tại Điều 19 Hiến pháp 2013 (quyền sống) cần thiết bổ sung thêm quy định về hình phạt tử hình kèm theo tương tự như cách thức quy định tại Điều 6 ICCPR 1966. Việc bổ sung như vậy có thể làm cho Điều 19 Hiến pháp 2013 phản ánh đầy đủ hơn nội dung cơ bản về quyền sống của hệ thống pháp luật nước ta ngay trong Hiến pháp (là đạo luật cơ bản nhất).

Dựa trên cơ sở là sự ghi nhận trong Hiến pháp 2013. Luật trẻ em 2016 ghi nhận trực tiếp, riêng biệt, cụ thể quyền sống của trẻ em (Điều 12 Luật trẻ em 2016). Đây là lần đầu tiên, quyền sống của trẻ em được ghi nhận một cách trực tiếp, riêng biệt với nội dung đầy đủ, phù hợp với quyền sống của trẻ em được ghi nhận tại Điều 6 CRC 1989. Điều 12 Luật trẻ em 2016 đề cập đầy đủ tới cả hai khía cạnh là sự toàn vẹn tính mạng và các điều kiện bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của trẻ em, trong đó các điều kiện bảo đảm cho sự tồn tại được gắn liền với các điều kiện bảo đảm cho sự phát triển của trẻ em mà phải được đảm bảo ở mức cao nhất có thể. Việc ghi nhận này tạo ra cơ sở pháp lý trực tiếp, vô cùng quan trọng cho việc bảo đảm, thực hiện quyền sống của trẻ em tại Việt Nam.

Bộ luật hình sự 2015 là cơ sở quan trọng cho việc bảo vệ quyền sống của trẻ em và tất cả mọi người, chống lại hành vi tước đoạt tính mạng trái luật và các hành vi xâm hại đến quyền tự do và an toàn cá nhân (là một trong những điều kiện bảo đảm sự tồn tại của con người). BLHS 2015 quy định về hình phạt tử hình và sự giới hạn không áp dụng hình phạt này đối với người dưới 18 tuổi (đã phân tích tại phần 2.1.) là cơ sở pháp lý quan trọng ghi nhận nội dung quyền sống của trẻ em trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Đây là quy định phù hợp với pháp luật quốc tế về quyền sống của trẻ em. BLHS 2015 với các quy định về các tội phạm và hình phạt (nội dung đã phân tích tại 2.1.) có tác dụng vô cùng quan trọng bảo vệ quyền sống của trẻ em ở cả hai khía cạnh là sự toàn vẹn tính mạng và các điều kiện bảo đảm sự tồn tại của trẻ em. Sự bảo vệ của BLHS 2015 đối với quyền sống của trẻ em là sự bảo vệ quan trọng, cơ bản nhất trong việc thực hiện quyền sống của trẻ em. Bởi nó bảo vệ khía cạnh cơ bản nhất của quyền sống của trẻ em là sự toàn vẹn tính mạng, chống lại sự tước đoạt tính mạng của trẻ em của bất cứ chủ thể nào trong bất cứ trường hợp nào và bảo vệ khía cạnh là các điều kiện bảo đảm sự tồn tại của trẻ em trước những hành vi xâm hại thô bạo và có mức độ nguy hiểm đáng kể, qua đó thấy được vai trò to lớn của BLHS trong việc bảo vệ quyền sống của trẻ em. Tuy nhiên, xem xét về phương thức bảo vệ quyền con người khi bị xâm hại thì trước tiên phải loại bỏ hành vi xâm phạm đến quyền và khôi phục quyền cho người bị xâm hại, sau

đó mới sử dụng chế tài với người thực hiện hành vi xâm hại. Riêng đối với quyền sống ở góc độ là sự toàn vẹn tính mạng khi đã bị xâm hại, tính mạng đã bị tước bỏ thì không thể khôi phục được. Nên trong việc bảo vệ quyền sống thì những biện pháp, nỗ lực phòng các tội phạm vi phạm, xâm hại tới quyền sống là rất quan trọng trong việc bảo vệ quyền sống của trẻ em và tất cả mọi người. Cần phải liên tục đẩy mạnh thực hiện các biện pháp để đẩy lùi tình hình các tội phạm xâm phạm đến quyền sống của trẻ em thông qua các biện pháp loại trừ, phòng ngừa, ngăn chặn các tội phạm đó, không cho chúng xảy ra hoặc không để chúng có thể thực hiện đến cùng.

Bộ luật dân sự 2015 ghi nhận quyền sống của trẻ em thông qua việc ghi nhận quyền sống của tất cả mọi người (Điều 33 BLDS 2015) và quy định phương thức bảo vệ là bồi thường thiệt hại khi tính mạng bị xâm phạm.

Qua đó, có thể thấy được thực trạng bảo đảm quyền sống của trẻ em ở góc độ là sự toàn vẹn tính mạng theo quy định của pháp luật Việt Nam là khá đầy đủ, toàn diện.

2.2.2. Thực trạng bảo đảm quyền sống của trẻ em ở góc độ là các điều kiện bảo đảm sự tồn tại và phát triển

Hiện tại, Luật bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em 2004, được thông qua vào ngày 15/6/2004 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2005 và hiện nay vẫn đang có hiệu lực. Luật trẻ em 2016 đã được thông qua vào ngày 5/4/2016 và sẽ có hiệu từ ngày 1/6/2017, thay thế cho Luật bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em 2004. Vì vậy, thực trạng thực hiện quyền sống của trẻ em ở Việt Nam hiện nay, sẽ được phân tích dựa trên thực trạng thực hiện Luật bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em 2004.

Trong báo cáo số: 59/BC-BLDTBXH của Bộ lao động-Thương binh và xã hội về tổng kết đánh giá 10 năm thi hành Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (từ năm 2004 đến 2014), đánh giá việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Trong đó, tình hình thực hiện các quyền là những điều kiện bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển ở mức tối đa của trẻ em được đánh giá như sau [2]:

Mặt được, các kết quả :

(i) Chăm sóc, nuôi dưỡng và vai trò trách nhiệm của cha, mẹ; quyền được hưởng an sinh xã hội

Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em 2004 quy định trẻ em có quyền được chăm sóc nuôi dưỡng (Điều 12), trẻ em có quyền được chung sống với cha, mẹ (Điều 13), trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em (Điều 24). Theo đó, cha mẹ và người giám hộ là người trước tiên chịu trách nhiệm về việc chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em, dành điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ em và khi gặp khó khăn, không thể tự mình giải quyết được thì có thể yêu cầu và được cơ quan, tổ chức hữu quan giúp đỡ để thực hiện trách nhiệm của mình. Quy định này của LBVCSGDTE 2004 thể hiện sự phù hợp với phương thức thực hiện quyền được nuôi dưỡng, chăm sóc và vai trò, trách nhiệm của cha mẹ của CRC 1989. Trong quá trình thực hiện quy định này, đã đạt được các kết quả sau [2, tr. 7-11]:

- Nhiều chính sách và chương trình đã hỗ trợ cho những gia đình nghèo và trẻ em dễ bị tổn thương. Công tác trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt phục hồi và hòa nhập cộng đồng được thực hiện thông qua các chính sách trợ giúp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trợ giúp cho các hộ gia đình nghèo và trẻ em nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn khác. Các hình thức chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đa dạng và phù hợp hơn với nhu cầu của từng nhóm đối tượng, vì vậy tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc từ 40% năm 2001 tăng lên 85% vào năm 2014. Hầu hết trẻ em ở nhóm trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, đã nhận được sự quan tâm chăm sóc của Nhà nước và xã hội thông qua các chính sách trợ cấp xã hội, chăm sóc thay thế bởi các gia đình hoặc nuôi dưỡng ở các cơ sở bảo trợ xã hội công lập, ngoài công lập;

- Nhiều tỉnh, thành phố đã xây dựng thí điểm hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em và xây dựng các mô hình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại cấp xã. Các tỉnh đã quan tâm triển khai thực hiện chăm sóc trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em khuyết tật; các dịch vụ chăm sóc trẻ mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em khuyết tật tại địa phương gồm 80 trung tâm bảo trợ xã hội, 104 cơ sở nuôi dưỡng trẻ em, 36

trung tâm phục hồi chức năng cho trẻ em, 41 trung tâm tư vấn cho trẻ em, 87 cơ sở dạy nghề cho trẻ em;

- Thực hiện Quyết định số 2158/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ước tính đến hết năm 2015, cả nước có khoảng 3 triệu ngôi nhà đạt tiêu chuẩn “Ngôi nhà an toàn” phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích xuống 550/100.000 trẻ em; giảm tỷ suất trẻ em tử vong do tai nạn, thương tích 19/100.000 trẻ em và giảm 15% số trẻ em bị tử vong do đuối nước so với năm 2010;

- Việc bảo đảm quyền đăng ký khai sinh cho trẻ em được duy trì ở mức khá cao, theo điều tra MICS của Tổng cục Thống kê có 95% trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh (năm 2011);

- 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số được trợ giúp pháp lý miễn phí khi gia đình trẻ em có nhu cầu trợ giúp;

- Đường dây Tư vấn và hỗ trợ trẻ em miễn phí trong toàn quốc thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em trước đây, nay thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, với sự hỗ trợ của Tổ chức Plan đã triển khai hoạt động từ năm 2004, mỗi năm tiếp nhận khoảng 300.000 cuộc gọi của trẻ em, các bậc cha mẹ, người chăm sóc trẻ em, các thầy cô giáo. Ngoài chức năng giải đáp, cung cấp thông tin, chính sách, dịch vụ công này còn thực hiện các ca tư vấn, trị liệu về tâm lý xã hội, rối nhiễu tâm trí, tự kỷ, giáo dục kỹ năng sống. Các trường hợp trẻ em bị xâm phạm quyền, bị tổn hại được can thiệp, giới thiệu kết nối các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc kịp thời, giúp các em thoát khỏi nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt hoặc tiếp tục bị tổn hại;

- Về vấn đề chăm sóc thay thế: Ngoài các chủ thể như cá nhân, gia đình và cơ sở bảo trợ xã hội, đã xuất hiện ngày càng nhiều các chủ thể khác như: nhà thờ, nhà chùa hoặc các cơ sở mái ấm, nhà mở hiện nay đang nhận chăm sóc tạm thời đối với những em có hoàn cảnh đặc biệt.

(ii) Chăm sóc y tế

LBVCSGDTE 2004 quy định trẻ em có quyền được chăm sóc sức khỏe (Điều 15), trách nhiệm bảo vệ sức khỏe của trẻ em (Điều 27). Theo đó, quy định cha

mẹ, người giám hộ có trách nhiệm thực hiện những quy định về kiểm tra sức khỏe, tiêm chủng, khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em và cơ sở y tế công lập có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh, chữa bệnh cho trẻ em. Thực hiện quy định pháp luật về quyền được chăm sóc sức khỏe của trẻ em trong thời gian qua, đã đạt được nhiều kết quả sau [2, tr. 10,11]:

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi ngày càng giảm, thể nhẹ cân giảm từ 16,6% năm 2011 xuống còn 14,5% năm 2014; thể thấp còi giảm từ 27,5% năm 2011 xuống còn 24,9% năm 2014. Tỷ suất tử vong của trẻ dưới 1 tuổi giảm mạnh từ 32‰ năm 2000 xuống còn 15,8‰ năm 2010 và 15,3‰ năm 2013; tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi giảm từ 42‰ năm 2000 xuống còn 23,8‰ năm 2010 và 23,1‰ năm 2013;

- Các địa phương đã lập sổ theo dõi sức khỏe, theo dõi tình trạng dinh dưỡng của trẻ hàng năm. Việc quản lý trẻ suy dinh dưỡng được quan tâm nhằm phát hiện sớm để có các biện pháp chăm sóc phù hợp nhất là đối là đối với trẻ em dưới 5 tuổi;

- Thực hiện tốt chính sách tiêm chủng mở rộng cho trẻ dưới 5 tuổi;

- Việc đảm bảo quyền được chăm sóc sức khỏe của trẻ em: Theo quy định của Luật bảo hiểm y tế năm 2008, thẻ khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi được chuyển đổi thành thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi để đảm bảo trẻ em được chăm sóc y tế tốt hơn. Bên cạnh việc phát triển hạ tầng cơ sở y tế, nhà nước đã thực hiện việc cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho toàn bộ trẻ em dưới 6 tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em thuộc các hộ nghèo và mấy năm gần đây thực hiện hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em hộ cận nghèo; đối với học sinh, sinh viên cũng được tham gia chương trình bảo hiểm y tế học đường;

- Mạng lưới y tế các cấp đã được đầu tư rộng khắp trên toàn quốc tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các cơ sở khám, chữa bệnh cho trẻ em.

(iii) Quyền học tập và giáo dục của trẻ em

LBVCSGDTE 2004 quy định: trẻ em có quyền được học tập, trẻ em học bậc tiểu học trong các cơ sở giáo dục công lập không phải trả học phí (Điều 16), trách nhiệm bảo đảm quyền được học tập của trẻ em (Điều 28). Nghị định số

71/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 của Chính phủ đã quy định rõ trách nhiệm của từng chủ thể, trước hết là gia đình trẻ em phải có trách nhiệm đảm bảo để trẻ em được học hết chương trình giáo dục phổ cập và tạo điều kiện để trẻ em được học tiếp. Nhà trường có trách nhiệm giáo dục toàn diện về đạo đức, tri thức, thẩm mỹ, thể chất, hướng nghiệp cho trẻ em khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông phải có điều kiện cần thiết về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để đảm bảo chất lượng giáo dục. Người phụ trách Đội trong nhà trường cũng phải có chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức tốt để đảm đương công việc và đặc biệt là vai trò của Nhà nước trên các mặt: Chính sách phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, chính sách miễn giảm học phí, cấp học bổng, trợ cấp xã hội đối với trẻ em [2, tr 11]. Thực hiện những quy định của pháp luật để đảm bảo quyền học tập của trẻ em đạt được các kết quả sau [2, tr. 11,12]:

- Tỷ lệ huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi ở các cấp học và cả số nhà được xây mới cũng tăng hàng năm. Các trường dân tộc nội trú được mở rộng và học sinh, giáo viên của trường đều được hưởng chính sách, chế độ theo quy định. Hệ giáo dục mầm non được quan tâm thực hiện với nhiều loại hình và nhiều tỉnh, thành phố đang triển khai thực hiện phổ cập mầm non 5 tuổi và thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới. Dự án giáo dục tiểu học cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được triển khai thực hiện với sự hỗ trợ của cộng đồng như: Hội khuyến học, Quỹ tấm lòng vàng, Quỹ bảo trợ trẻ em đã giúp các em học sinh vượt qua khó khăn để tiếp tục theo học;

- Việc xã hội hóa giáo dục đã có bước phát triển, các trường ngoài công lập được thành lập đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc học của các em. Các trường đã chú ý đến việc giáo dục toàn diện cho học sinh, các hoạt động ngoại khóa, tuyên truyền, phổ biến về LBVCSGDTE, phòng ngừa tai nạn thương tích, giáo dục kỹ năng sống, chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên...được quan tâm thực hiện;

- Các phong trào thi đua do Đoàn, Đội tổ chức ở cả nhà trường và khu dân cư nhằm giáo dục về truyền thống, lý tưởng, mục đích, động cơ học tập... Nhiều điển hình tốt trong phong trào được nhân rộng là những tấm gương tốt để giáo dục trẻ em;

- Các loại hình trường lớp giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật được chú trọng, số học sinh khuyết tật tại các địa phương đến trường tăng hàng năm.

(iv) quyền được vui chơi, giải trí

LBVCSGDTE 2004 quy định: trẻ em có quyền vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thao thao và du lịch (Điều 17), trách nhiệm bảo đảm quyền này (Điều 29). Trong công tác thực hiện bảo đảm quyền vui chơi, giải trí của trẻ em trong 10 năm qua đạt được các kết quả sau:

- Có 71 trung tâm văn hóa, nhà văn hóa, nhà thông tin triển lãm cấp tỉnh, 510 trung tâm văn hóa hoặc nhà văn hóa cấp huyện; 4.161 nhà văn hóa cấp xã; 38.543 nhà văn hóa làng, thôn, ấp, bản; 8.451 điểm vui chơi của trẻ em tại xã, phường; 143 rạp chiếu bóng; 342 đội chiếu bóng lưu động;

- Mỗi năm sản xuất khoảng 10 bộ phim hoạt hình cho trẻ em; hệ thống các nhà hát phục vụ thiếu nhi (Nhà hát Múa rối, Rạp xiếc Trung ương, Nhà hát Tuổi trẻ...) không tăng về số lượng nhưng tăng số đoàn biểu diễn và số vở dựng mới; các hoạt động phục vụ trẻ em ngày càng phong phú, có biện pháp phối hợp với các trường tổ chức cho các em đến rạp;

- Nhiều địa phương đã xây dựng trung tâm hoạt động thanh thiếu niên để phục vụ các hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí cho thanh, thiếu niên;

- Các cơ quan thông tin đại chúng đã dành sự quan tâm nhiều hơn đến trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em được tiếp cận và hưởng thụ văn hóa nhân loại, được vui chơi, giải trí lành mạnh qua sách, báo, tạp chí, các chương trình phát thanh, truyền hình, internet...

Mặt hạn chế [2, tr.14-16]:

- Đầu tiên phải kể đến hạn chế trong việc ghi nhận các quyền cơ bản của trẻ em trong LBVCSGDTE 2004. Liên quan trực tiếp tới quyền sống của trẻ em, LBVCSGDTE 2004 chưa có quy định ghi nhận trực tiếp, riêng biệt về quyền sống

của trẻ em và quyền được bảo đảm an sinh xã hội của trẻ em (một quyền quan trọng là điều kiện bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của trẻ em). Việc ghi nhận quyền sống của trẻ em tại Điều 14 luật này (Quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự) là một hạn chế rất lớn, Điều 14 mới chỉ phản ánh được quyền sống của trẻ em ở góc độ duy nhất là sự toàn vẹn về tính mạng, không phản ánh được quyền sống của trẻ em ở góc độ là những điều kiện bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của trẻ. Tuy nhiên, vấn đề này đã được giải quyết một cách triệt để khi Luật trẻ em 2016 đã được thông qua và có hiệu lực vào ngày 1/6/2017. Luật trẻ em 2016 ghi nhận quyền sống của trẻ em tại Điều 12, quyền được bảo đảm an sinh xã hội tại Điều 32 với nội dung đầy đủ, toàn diện.

- Truyền thông giáo dục về kỹ năng sống, kỹ năng bảo vệ, chăm sóc trẻ em còn chưa được nhiều. Trẻ em chưa có nhiều kỹ năng để tự bảo vệ mình trước các nguy cơ bị tổn hại. Hàng năm có khoảng 1.000 trẻ em bị xâm hại tình dục, hàng trăm trẻ em bị buôn bán; quá một nửa trẻ em bị bạo lực tại gia đình và bạo lực học đường; 17.000 đến 18.000 trẻ em vi phạm pháp luật; 2.000 trẻ em có nguy cơ lây nhiễm HIV từ mẹ sang con và gần 3 triệu trẻ em sống trong các hộ gia đình nghèo chưa có cơ hội thực hiện đầy đủ các quyền của trẻ em. Tình trạng đăng ký khai sinh cho trẻ em dân tộc thiểu số vẫn còn chậm so với quy định, nhiều trẻ khi đi học mới làm thủ tục khai sinh. Hệ thống tư pháp thân thiện với trẻ em bước đầu được xây dựng nhưng chưa được thực hành rộng rãi.

- Theo kết quả điều tra MICS 2011 của Tổng cục Thống kê còn tới 5% trẻ em dưới 5 tuổi chưa được đăng ký khai sinh; khoảng 5,3% trẻ em ở độ tuổi từ 0 đến 17 tuổi không được sống chung với bố hoặc mẹ đẻ và 3,9% có bố hoặc mẹ đã chết hoặc cả bố và mẹ đã chết. Việc nâng cao nhận thức pháp luật cho các bậc cha mẹ ở những địa bàn vùng núi, vùng sâu chưa đầy đủ, nên việc khai sinh, khai sinh đúng hạn cho trẻ em chưa được coi trọng. Những quy định về xử phạt hành chính về việc khai sinh cho trẻ em chưa được thực hiện nghiêm túc và chưa đủ sức răn đe.

- Đội ngũ cộng tác viên thường kiêm nhiệm, mỏng; chưa có nhân viên công tác xã hội ở cơ sở nên nhiều thông tin về trẻ em để có biện pháp bảo vệ không kịp thời, nhiều vụ việc không được phát hiện sớm để ngăn chặn.

- Việc đấu tranh với các hành vi xâm hại, bạo lực đối với trẻ em ở cộng đồng và cơ sở chưa đủ mạnh, còn có những gia đình người thân nạn nhân che giấu, mặc cảm, né tránh. Nguy cơ xâm hại trẻ em nhất là xâm hại tình dục trẻ em khó phát hiện, giải quyết.

- Tỷ lệ giảm suy dinh dưỡng trẻ em tại các địa phương không đồng đều đặc biệt là giữa các thành phố, tỉnh lỵ với các tỉnh miền núi, tỉnh nghèo. Tình trạng kinh tế của các gia đình có trẻ em còn eo hẹp, không có điều kiện cho trẻ ăn uống tốt hơn.

- Nguồn lực từ các chương trình, dự án bị cắt giảm cũng là những khó khăn rất lớn đặt ra trong công tác chăm sóc dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ em. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế còn thiếu thốn, đặc biệt là tuyến cơ sở đã ảnh hưởng đến chất lượng điều trị bệnh nhi, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng vượt tuyến, nơi thì quá tải, nơi thì không có bệnh nhân.

- Các bậc cha mẹ còn thiếu hiểu biết về dinh dưỡng đối với trẻ em dẫn tới tình trạng chăm sóc không đúng làm cho trẻ bị suy dinh dưỡng, thậm chí bị suy dinh dưỡng béo phì. Bên cạnh đó, tình trạng tai nạn, thương tích trẻ em còn xảy ra nhiều, nhất là tai nạn do đuối nước, tai nạn giao thông.

- Chương trình học của học sinh tiểu học và trung học cơ sở còn nặng nên ảnh hưởng đến việc giáo dục toàn diện; việc học còn nặng về văn hóa mà thiếu các môn thuộc về kỹ năng sống cho trẻ em.

- Cơ sở vật chất trường lớp, dụng cụ học tập còn thiếu. Đa số các trường học trong nội thành, nội thị tại các thành phố lớn, diện tích khuôn viên nhỏ hẹp, thiếu sân chơi cho học sinh nên việc tổ chức các hoạt động có tính chất tập thể gặp rất nhiều khó khăn. Đặc biệt là các nơi vùng sâu, vùng núi cao, mặc dù Nhà nước đã có chủ trương đầu tư các trường lớp học kiên cố cho những địa bàn khó khăn và đã đạt được những kết quả nhất định nhưng đây vẫn là một thách thức lớn trong những năm tới.

- Chất lượng giáo dục mầm non vẫn còn khoảng cách khá xa giữa thành thị và nông thôn, vùng miền núi, vùng sâu.

- Một số mục tiêu xây dựng chương trình chuẩn quốc gia trong những năm qua chưa đạt, chương trình phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới, văn hóa, xã hội chưa được lồng ghép với những hoạt động bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, vi phạm một số điều cấm của pháp luật về trẻ em (việc sử dụng hóa chất, thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu tràn lan, nơi cất giữ không đảm bảo...).

- Điều kiện vật chất như sân chơi, bãi tập, khu vui chơi giải trí hầu như còn thiếu nhiều, nhất là ở cấp xã, phường, thị trấn; việc thực hiện quyền vui chơi, giải trí của trẻ em đang gặp nhiều khó khăn.

2.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong việc bảo đảm quyền sống của trẻ em ở Việt Nam hiện nay

2.3.1. Nguyên nhân khách quan

Mặc dù quyền sống của trẻ em đã được bảo vệ bằng luật hình sự và quy định xử phạt vi phạm hành chính, chống lại những tội phạm, hành vi vi phạm hành chính xâm hại tới quyền sống của trẻ em, những hành vi nhanh chóng được các cơ quan nhà nước phát hiện, xử lý theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tình hình tội phạm và các hành vi vi phạm hành chính xâm hại tới quyền sống của trẻ em vẫn luôn diễn biến phức tạp và không thể đẩy lùi một cách tuyệt đối. Bên cạnh các hành vi bị phát hiện và xử lý thì những hành vi ẩn (chưa được phát hiện) cũng luôn tồn tại. Đây là một thách thức lớn trong việc thực hiện, bảo đảm quyền sống của trẻ em ở Việt Nam, cũng như trên toàn thế giới.

Điều kiện kinh tế, xã hội nước ta còn hạn chế để đáp ứng nhu cầu cần phải có một nguồn lực dồi dào đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Mặc dù nước ta đã thể hiện sự nỗ lực trong việc đầu tư các nguồn lực cho việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em nhưng trong tình cảnh, nước ta mới chỉ đạt mức thu nhập trung bình thấp và chịu ảnh hưởng nặng nề của suy thoái kinh tế toàn cầu là những thách thức lớn được đặt ra.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, đi cùng với các cơ hội phát triển thì nước ta cũng gặp phải những khó khăn, thách thức lớn như: gia tăng bất bình đẳng xã hội, khoảng cách về cơ hội phát triển, mức sống, thu nhập, cơ hội tiếp cận với các dịch vụ cơ bản giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền, các nhóm dân tộc; sự tác động tiêu cực đến trẻ em của Internet, các tệ nạn xã hội. Đây là thách thức cho việc đảm bảo thực hiện quyền sống của trẻ em theo nghĩa rộng nhất.

2.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, chính sách, pháp luật về quyền sống của trẻ em chưa hoàn thiện. Mặc dù, quyền sống của trẻ em được bảo vệ, thực hiện bằng hệ thống pháp luật Việt Nam tương đối đầy đủ và toàn diện, trong đó bao gồm Hiến pháp 2013 và các luật chuyên ngành, văn bản dưới luật do Chính phủ, các bộ, ngành ban hành. Tuy nhiên, liên quan tới quyền sống của trẻ em thì hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn còn những hạn chế, cần khắc phục. Một là, Hiến pháp 2013 ghi nhận quyền sống tại Điều 19, chưa ghi nhận kèm theo quy định về hình phạt tử hình. Đây là một nội dung rất quan trọng của quyền sống, bởi hình phạt tử hình chính là sự tước tính mạng con người theo quy định của luật. Hai là, hệ thống pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể về xác định thời điểm là một con người với tư cách là chủ thể của các quyền con người (là khi được sinh ra hay từ khi được thụ thai). Ba là, ngay trong Luật trẻ em 2016 đã được thông qua và sẽ có hiệu lực vào ngày 1/6/2017, thể hiện được sự phát triển vượt bậc trong việc ghi nhận, bảo đảm, bảo vệ các quyền trẻ em so với luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em 2004 nhưng vẫn còn những hạn chế. Điều 1 Luật trẻ em 2016 quy định trẻ em là người dưới 16 tuổi, mặc dù không trái với định nghĩa trẻ em của CRC 1989 nhưng vẫn chưa đạt được mức trần tiêu chuẩn được CRC 1989 đặt ra là 18 tuổi. Và như vậy, ngay cả đến khi Luật trẻ em 2016 có hiệu lực thì những người từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vẫn không được xác định là trẻ em, để được hưởng các quyền trẻ em theo Luật trẻ em 2016 quy định. Mà những người này cũng không được xác định là người trưởng thành đầy đủ, để có đầy đủ năng lực hành vi thực hiện tất cả các quyền, nghĩa vụ của người trưởng thành theo quy định pháp luật. Điều này cũng tạo ra sự hạn chế rõ ràng so với Điều 1 CRC

1989 quy định về khái niệm trẻ em, thể hiện ở chỗ khái niệm trẻ em tại Luật trẻ em 2016 không có được một khái niệm đối lập như trong quy định tại Điều 1 CRC.

Thứ hai, các chính sách, sự quan tâm thỏa đáng của nhà nước là chưa đủ trong việc chăm sóc sức khỏe người mẹ trước và sau khi sinh, xã hội hóa công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em, hỗ trợ ngân sách nhà nước để phát triển những cơ sở y tế, giáo dục ngoài công lập.

Thứ ba, nhận thức của gia đình, xã hội về quyền sống của trẻ em, quyền trẻ em còn hạn chế. Tình trạng thiếu nhận thức, trách nhiệm bảo vệ trẻ em, kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em của gia đình, cộng đồng còn khá phổ biến.

Thứ tư, nguồn lực thực hiện, bảo đảm quyền trẻ em vẫn còn hạn chế. Về số lượng và chất lượng cán bộ làm công tác trẻ em vừa thiếu về số lượng, vừa chưa đảm bảo về chất lượng. Tính đến 31/12/2014, tổng số công chức, viên chức và cán bộ hợp đồng của Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là 83 người. Ở địa phương, tổ chức bộ máy cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở địa phương theo 3 cấp tỉnh, huyện, xã; Cấp tỉnh có 351 cán bộ, công chức làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; Cấp huyện có 1.037 cán bộ, công chức; Cấp xã: Hiện có 11.708 người làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, trong đó kiêm nhiệm là 10.598 người, chuyên trách 1.110 người (chủ yếu là các xã triển khai dự án, mô hình thí điểm của Trung ương và các tổ chức quốc tế) và 73.924 cộng tác viên. Giai đoạn trước đây, mỗi xã, phường, thị trấn bố trí 01 cán bộ làm công tác Dân số, Gia đình và Trẻ em và từ 12 đến 15 cộng tác viên được hưởng thù lao để làm công tác dân số, gia đình và trẻ em ở thôn, bản; toàn quốc có khoảng 162.000 cộng tác viên. Sau khi chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc trẻ em sang Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì đội ngũ cộng tác viên trên chuyển hết sang làm nhiệm vụ dân số. Vì vậy, ở thôn, bản giai đoạn 2008 - 2010 thiếu lực lượng cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Về ngân sách đầu tư cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em còn rất hạn chế và thiếu. Mặc dù, nhà nước luôn nỗ lực, ưu tiên bố trí tăng chi cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo khả năng của ngân sách nhà nước và trên thực tế

đã bảo đảm năm sau cao hơn năm trước cả về tỷ lệ và số chi tuyệt đối, tuy nhiên chưa đáp ứng được đòi hỏi, nhu cầu trên thực tế của công tác này.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Hệ thống pháp luật Việt Nam quy định về quyền sống trẻ em luôn luôn được xây dựng và hoàn thiện nhằm phù hợp hơn với những tiêu chuẩn pháp lý quốc tế của hệ thống pháp luật quốc tế đối với quyền này, thể hiện ở việc trong giai đoạn vừa qua Việt nam đã ban hành rất nhiều đạo luật mới với nội dung phù hợp với những nội dung của hệ thống pháp luật quốc tế về quyền sống của trẻ em và quyền trẻ em. Với việc tìm hiểu, nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam thông qua phân thực trạng ghi nhận quyền sống của trẻ em ở Việt Nam, Chương 2 của luận văn cũng đã đưa ra đánh giá, nhận xét về mức độ phù hợp của pháp luật Việt Nam với hệ thống pháp luật quốc tế về quyền sống của trẻ em. Việc thực hiện quyền sống của trẻ em ở Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu, tiến bộ lớn trong những năm qua, tuy nhiên cũng đứng trước những khó khăn, hạn chế, thách thức lớn. Chương 2 cũng nêu ra một số nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế trong việc thực hiện quyền sống của trẻ em và đây là cơ sở để xây dựng phương hướng, giải pháp bảo đảm thực hiện quyền sống của trẻ em ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP NHẪM BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN SỐNG CỦA TRẺ EM Ở VIỆT NAM

3.1. Quan điểm bảo đảm thực hiện quyền sống của trẻ em ở Việt Nam

Để việc bảo đảm, thực hiện quyền sống của trẻ em được tăng cường, cải thiện trên thực tế ở Việt Nam, từ quan điểm của mình, tác giả xin đưa ra những phương hướng bảo đảm, thực hiện, thúc đẩy quyền này như sau:

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện những quy định pháp luật của Việt Nam về quyền sống của trẻ em theo hướng ngày càng phù hợp hơn với hệ thống pháp luật nhân quyền quốc tế. Điều này là sự thực hiện tốt những nghĩa vụ của quốc gia thành viên đối với những điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia và giúp cho Việt Nam tạo ra những cơ sở pháp lý bảo đảm quyền sống của trẻ em phản ánh được đầy đủ các giá trị, nội dung quyền sống của trẻ em trong hệ thống pháp luật quốc tế về quyền con người.

Thứ hai, bảo đảm thực hiện quyền sống của trẻ em trong quá trình tổ chức, thực hiện pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền trong bộ máy nhà nước. Một là, trong các hoạt động dễ xâm phạm đến quyền tự do và an ninh cá nhân của trẻ em như hoạt động tố tụng hình sự, xử phạt hành vi vi phạm hành chính thì cần thiết phải nâng cao năng lực, nhận thức của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong lĩnh vực này trong việc tôn trọng, bảo đảm quyền sống của trẻ em và các quyền trẻ em. Hai là, tăng cường quản lý nhà nước, trách nhiệm của các cơ quan tổ chức trong việc bảo đảm, thực hiện quyền sống của trẻ em và bảo đảm nguồn lực cho công tác này.

Thứ ba, cần đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, ý thức trong toàn xã hội về các quy định pháp luật về quyền sống của trẻ em.

Thứ tư, nhà nước cần có thêm những chính sách, biện pháp tích cực để củng cố, tăng cường, mở rộng, nâng cao chất lượng trong các lĩnh vực nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em; chăm sóc sức khỏe, y tế cho trẻ em; giáo dục trẻ em; an sinh xã hội; văn hóa, vui chơi giải trí cho trẻ em dựa trên các yêu cầu, tiêu chuẩn của hệ thống pháp luật quốc tế.

3.2. Các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền sống của trẻ em

3.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về quyền sống của trẻ em

Quy định pháp luật Việt Nam là cơ sở để tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ, thực hiện quyền sống của trẻ em trên thực tế. Do vậy, tác giả xin nêu ra một số giải pháp cụ thể để góp phần hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quyền sống của trẻ em như sau:

Thứ nhất, về quy định quyền sống tại Hiến pháp 2013. Điều 19 Hiến pháp 2013 nên ghi nhận bổ sung thêm quy định về hình phạt tử hình và giới hạn áp dụng hình phạt tử hình giống như cách thức ghi nhận trong Điều 6 ICCPR 1966. Mặc dù, quy định về hình phạt tử hình và giới hạn áp dụng hình phạt tử hình đã được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 với nội dung phù hợp với Điều 6 ICCPR, nhưng vẫn cần thiết phải quy định nội dung này ngay tại Hiến pháp và cụ thể là tại Điều 19 Hiến pháp 2013, bởi nội dung này là nội dung quan trọng của quyền sống. Nội dung liên quan trực tiếp và nói lên bản chất quyền sống của trẻ em là một quyền tuyệt đối, theo quy định của BLHS 2015 (Điều 40) là không áp dụng hình phạt tử hình với người dưới 18 tuổi, phụ nữ đang mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, như vậy nội dung này còn đầy đủ, rộng hơn so với quy định tại Điều 6 (5) ICCPR ở khía cạnh bảo đảm các điều kiện tồn tại và phát triển của trẻ em, khi có thêm quy định không áp dụng hình phạt tử hình với phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Những nội dung này cần phải được đưa và đầy đủ trong điều khoản được đề xuất ghi nhận bổ sung tại Hiến pháp 2013.

Thứ hai, hệ thống pháp luật Việt Nam cần phải có một quy định về xác định thời điểm cụ thể được coi là con người với tư cách là chủ thể của các quyền con người. Hiện nay, có thể xác định hệ thống pháp luật Việt Nam xác định thời điểm được coi là con người với tư cách là chủ thể của các quyền con người là từ khi sinh ra, thông qua các quy định của Bộ luật dân sự 2015 và các quy định của pháp luật về nạo, phá thai. Như vậy, tác giả xin đưa ra giải pháp là bổ sung thêm vào Hiến pháp một điều quy định cụ thể về xác định thời điểm được coi là con người với tư cách chủ thể của các quyền là từ khi được sinh ra.

Thứ ba, Luật trẻ em 2016 đã được thông qua và sẽ có hiệu lực vào 1/6/2017, nội dung của Luật trẻ em 2016 đã thể hiện được rất nhiều ưu điểm vượt trội, giải

quyết định những hạn chế của LBVCSGDTE 2004 trong thời điểm hiện tại. Tuy nhiên, cần thiết nên sửa đổi Điều 1 Luật trẻ em 2016 về định nghĩa trẻ em là người dưới 16 tuổi, sửa thành trẻ em là người dưới 18 tuổi. Việc nâng mức trần độ tuổi được xác định là trẻ em lên 18 tuổi là phù hợp với mức trần tiêu chuẩn trong định nghĩa trẻ em của CRC 1989 và giải quyết được những hạn chế, vướng mắc của vấn đề này đã được trình bày tại chương 2 của luận văn.

Thứ tư, các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cần liên tục rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm sửa đổi, bổ sung và loại bỏ những quy định không còn phù hợp với nội dung của quyền sống của trẻ em.

3.2.2. Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức về quyền sống của trẻ em

Để quyền sống của trẻ em được bảo đảm, thực hiện trên thực tế hiệu quả thì cần phải có những hành vi tích cực, phù hợp với nó của tất cả các chủ thể trong xã hội. Hành vi của con người lại được chi phối bởi sự nhận thức. Vì vậy, nâng cao sự nhận thức về quyền sống của trẻ em cho toàn bộ mọi chủ thể trong xã hội sẽ góp phần làm cho quyền sống của trẻ em được bảo đảm, thực hiện tốt hơn, hiệu quả hơn trên thực tế.

Thứ nhất, cần tiến hành nâng cao nhận thức về quyền sống của trẻ em, quyền trẻ em trong bộ máy nhà nước (chủ thể cơ bản nhất có nghĩa vụ bảo đảm, bảo vệ, thúc đẩy quyền con người). Để đạt được mục tiêu này, cần phải thực hiện các giải pháp cụ thể là thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho các cán bộ, công chức, viên chức những nội dung, kiến thức, quy định về quyền sống của trẻ em, quyền trẻ em trong cả pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế, trong thực hiện vấn đề này thì các cán bộ, công chức, viên chức làm về công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em phải được quan tâm, ưu tiên nhất.

Thứ hai, cần tiến hành nâng cao nhận thức về quyền sống của trẻ em, quyền trẻ em cho nhân dân. Để đạt được mục tiêu này, giải pháp cụ thể là thực hiện tuyên truyền pháp luật về quyền trẻ em trong toàn dân, việc tuyên truyền cần đặc biệt chú trọng tới các đối tượng là các bậc cha mẹ, người chăm sóc trẻ em trực tiếp, các thành viên trong gia đình và cần quan tâm đặc biệt tới những khu vực khó khăn như vùng sâu, vùng xa hay các điểm nóng mà quyền trẻ em bị vi phạm, xâm phạm nhiều.

Thứ ba, tăng cường giáo dục quyền con người cần phải thực hiện ngay và nhanh chóng. Giáo dục quyền con người là yếu tố vô cùng quan trọng trong việc bảo đảm, thúc đẩy quyền con người. Các giải pháp cụ thể cần thực hiện để đạt được mục tiêu này bao gồm: tại các cấp học tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông lồng ghép các nội dung về quyền con người, quyền trẻ em vào môn học đạo đức, giáo dục công dân; tại bậc học đại học xây dựng một bộ môn học bắt buộc trong chương trình học về quyền con người; tại các trường đại học, cơ sở giáo dục sau đại học ngành Luật học xây dựng chuyên ngành quyền con người và chương trình giáo dục bài bản về quyền con người. Ở Việt Nam hiện nay, Học viện khoa học xã hội là cơ sở giáo dục đi đầu trong vấn đề này.

3.2.3. Nhóm giải pháp bảo đảm các điều kiện sống của trẻ em

Thứ nhất, cần tăng cường phối hợp liên ngành trong công tác bảo đảm, thực hiện quyền trẻ em. Công tác bảo đảm, thực hiện quyền trẻ em là công tác liên ngành, do nhiều ngành chịu trách nhiệm, thực hiện và trách nhiệm chủ trì công tác này thuộc về Bộ lao động-Thương binh và xã hội. Luật trẻ em 2016 đã quy định cụ thể nghĩa vụ, trách nhiệm của các thiết chế của nhiều ngành khác nhau (đã phân tích tại 2.1.3. của luận văn) tại Điều 79-95. Các cơ quan cần thực hiện hiệu quả trách nhiệm, nghĩa vụ đã được quy định trong Luật trẻ em 2016 và tăng cường sự phối hợp với nhau trong công tác bảo đảm, thực hiện quyền trẻ em.

Thứ hai, kiện toàn bộ máy thực hiện công tác về trẻ em ở các cấp, bảo đảm số lượng và chất lượng về nhân lực thực hiện công tác này. Số lượng người làm công tác trẻ em thiếu nhất là ở cấp xã, với 11.708 người trong đó 10.598 người làm kiêm nhiệm và 1.110 người làm chuyên trách (chủ yếu là các xã triển khai mô hình, dự án thí điểm) mà trong cả nước ta có khoảng hơn 11.000 đơn vị hành chính cấp xã. Như vậy, mỗi xã chỉ có một người làm công tác trẻ em và đa phần là làm kiêm nhiệm. Tuy nhiên, nếu tăng số lượng người làm công tác trẻ em ở cấp xã thêm 1 người thì không hợp lý, việc này liên quan trực tiếp đến quy định về số lượng công chức cấp xã và sẽ tạo gánh nặng rất lớn cho ngân sách nhà nước. Giải pháp tạm thời là tăng số lượng công tác viên làm công tác tại thôn, bản và giải pháp chính là tăng

chất lượng của những cán bộ, công chức, viên chức, công chức cấp xã làm công tác về trẻ em.

Thứ ba, thúc đẩy xã hội hóa việc thực hiện quyền trẻ em. Cần ban hành cách chính sách khuyến khích, hỗ trợ, thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện quyền trẻ em trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa.

3.2.4. Giải pháp tăng cường hợp tác quốc tế

Nếu như các giải pháp trên là giải pháp khắc phục, giảm bớt hạn chế thì giải pháp tăng cường hợp tác quốc tế là giải pháp nâng cao ưu điểm. Bởi lẽ, trong việc hợp tác quốc tế để bảo đảm, thực hiện quyền trẻ em trong thời gian qua nước ta đã có nhiều kết quả, thành công đáng kể. Việc tăng cường hợp tác quốc tế trong việc bảo đảm, thực hiện quyền trẻ em cũng là việc Việt Nam thực hiện tốt nghĩa vụ được quy định tại Điều 4 CRC 1989 về thực hiện mọi biện pháp thực hiện quyền trẻ em ở mức tối đa theo khả năng sẵn có của mình, và khi cần thiết, trong khuôn khổ hợp tác quốc tế. Việt Nam cần tiếp tục mở rộng quan hệ với nhiều quốc gia để thu hút nhiều nguồn tài trợ, hỗ trợ và hợp tác nhiều hơn nữa với các tổ chức quốc tế về lĩnh vực trẻ em như: Unicef, Plan, CRS, ChildFund, ILO, World Vision, Save the Children, UNODC, WHO...

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở những quy định của hệ thống pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền sống của trẻ em cùng với thực trạng thực hiện quyền này theo pháp luật Việt Nam, chương 3 của luận văn đã đề xuất kiến nghị của tác giả trong việc nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền sống của trẻ em ở Việt Nam hiện nay. Những giải pháp cụ thể nêu ra ở chương 3 mới chỉ tác động ở phạm vi hẹp, chưa khai thác và giải quyết được một cách sâu sắc, toàn diện và triệt để nội hàm rộng lớn của quyền sống của trẻ em, nhưng hy vọng có thể mang giá trị tham khảo cho hoạt động nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn.

KẾT LUẬN

Luận văn nghiên cứu, tìm hiểu về quyền sống của trẻ em trong các quy định của hệ thống pháp luật quốc tế về quyền con người và pháp luật Việt Nam để khái quát, hệ thống hóa nền tảng lý luận và pháp lý cơ bản đáp ứng cho tính cấp thiết của đề tài đặt ra. Từ đó, tác giả đưa ra những nhận xét, đánh giá của cá nhân về sự phù hợp trong việc ghi nhận quyền sống của trẻ em giữa hệ thống pháp luật quốc tế và pháp luật Việt nam. Trong giai đoạn vừa qua, với việc ban hành nhiều đạo luật mới với nội dung phù hợp hơn với hệ thống pháp luật quốc tế về quyền sống của trẻ em đã thể hiện những thành công to lớn, bước tiến dài trong việc ghi nhận quyền này của pháp luật Việt Nam, tuy nhiên vẫn còn những hạn chế, vướng mắc cần khắc phục trong việc ghi nhận quyền này để cụ thể hóa, tiệm cận sát hơn nữa với hệ thống pháp luật quốc tế. Hoạt động thực hiện pháp luật về quyền này với ý nghĩa là đưa những quy định pháp luật đã được ghi nhận trở thành hiện thực đã có những thành tựu, kết quả tích cực và cũng có những hạn chế, vướng mắc, chưa thực sự đạt hiệu quả cao. Luận văn cũng đưa ra những nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc này và dùng làm cơ sở để nêu ra những phương hướng, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện quyền sống của trẻ em ở Việt Nam hiện nay. Những phương hướng, giải pháp mà luận văn nêu ra chỉ ở trong một chừng mực hạn chế nhất định góp phần giải quyết những hạn chế, bất cập đó và phát huy ưu điểm, thành tựu đã đạt được trong hoạt động bảo đảm quyền sống của trẻ em ở Việt Nam. Quyền sống của trẻ em là một khái niệm rộng, phức tạp, một phạm trù đa diện, vì vậy, trong phạm vi luận văn thạc sỹ, tác giả giải quyết vấn đề ở góc độ, phạm vi cơ bản nhất và tiếp cận chính ở góc độ khoa học pháp lý. Những công trình nghiên cứu ở góc độ khoa học pháp lý trong thời gian tới về quyền sống của trẻ em cần khai thác thêm nhiều vấn đề như quyền tự do và an toàn cá nhân của trẻ em, quyền sống của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (trẻ em mồ côi, bị bỏ rơi, khuyết tật, vi phạm pháp luật, nghiện ma túy,...) và cần phải có nhiều công trình nghiên cứu về quyền này mà tiếp cận dưới lăng kính của các ngành khoa học xã hội khác, để tạo nên được sự nhìn nhận đa chiều, toàn diện và sâu sắc về vấn đề này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Vũ Ngọc Bình (2000), “Các văn bản quốc tế về bảo vệ trẻ em”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ lao động – Thương binh và xã hội (2015), báo cáo số 59/BC-BLDTBXH về tổng kết đánh giá 10 năm thi hành Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (từ năm 2004 đến 2014), đánh giá việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.
3. Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13.
4. Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13.
5. Bộ luật lao động số 10/2012/QH13.
6. Vũ Công Giao- Trịnh Quốc Toàn (2015), “Thực thi các quyền hiến định trong Hiến pháp 2013”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Gudmundur và Asbjorn Eider (2011), “Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, 1948”, bản dịch của Khoa Luật ĐHQG Hà Nội, Nxb Lao động- Xã hội, Hà Nội.
8. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
9. Vũ Thị Huế (2015), “Quyền tham gia của trẻ em ở Việt Nam hiện nay”, luận văn thạc sỹ luật học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Học viện khoa học xã hội (2014), “Cơ chế quốc tế và khu vực về quyền con người”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Học viện khoa học xã hội (2014), “Pháp luật quốc tế về quyền con người”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội’.
12. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, (2009), “Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người”, Nxb, Hà Nội.
13. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2010), “Những điều cần biết về hình phạt tử hình”, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.

14. Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội (2010), “Quyền con người, tập tài liệu chuyên đề của Liên hợp quốc”, Nxb Công an nhân dân.
15. Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), “Giới thiệu các văn kiện quốc tế về quyền con người”, Nxb Lao động – Xã hội, Hà Nội.
16. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), “Hỏi đáp về quyền con người”, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
17. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), “Luật quốc tế về quyền của các nhóm người dễ bị tổn thương”, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
18. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2012), “Giới thiệu Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị”, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
19. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2012), “Giới thiệu Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa”, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
20. Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em số 25/2004/QH11.
21. Luật Giáo dục số 38/2005/QH11; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục số 44/2009/QH12.
22. Luật hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13.
23. Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13.
24. Luật trẻ em số 102/2016/QH13
25. Luật tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13.
26. Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13.
27. Luật tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13.
28. Luật tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13.
29. Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13.
30. Nghị định số 144/2003/NĐ-CP của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em.
31. Nghị định số 136/2013/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
32. Trung tâm nghiên cứu quyền con người, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2000), “Quyền trẻ em”, Hà Nội.

33. Tuyên ngôn độc lập Việt Nam dân chủ cộng hòa (1945).
34. Viện chính sách công và pháp luật (2014), Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Quyền sống trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam, Hà Nội.
35. Viện chính sách công và pháp luật (2015), “Quyền sống và hình phạt tử hình”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Viện khoa học xã hội Việt Nam (2010), Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài cấp bộ- tên đề tài “Quyền con người ở Việt Nam từ nhận thức lý luận đến hành động thực tiễn”, chủ nhiệm đề tài: GS.TS Võ Khánh Vinh.
37. Viện nghiên cứu quyền con người (2008), “Bình luận và khuyến nghị chung của các Ủy ban Công ước thuộc Liên hợp quốc về quyền con người”, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
38. Viện nghiên cứu quyền con người (2010), “Quyền trẻ em, tài liệu tập huấn cho giảng viên trường chính trị tỉnh, thành phố”, NXB Tư pháp.
39. Võ Khánh Vinh (2001), “Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật”, tài liệu giảng dạy lưu hành nội bộ Đại học Huế, Huế.
40. Võ Khánh Vinh (2009), “Quyền con người, tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
41. Võ Khánh Vinh (2010), “Quyền con người, tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
42. Võ Khánh Vinh (2011), “Cơ chế bảo đảm và bảo vệ quyền con người”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
43. Võ Khánh Vinh (2011), “Giáo dục quyền con người, những vấn đề lý luận và thực tiễn”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
44. Võ Khánh Vinh (2011), “Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền dân sự và chính trị”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
45. Võ Khánh Vinh (2011), “Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền kinh tế, văn hóa và xã hội”, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
46. Võ Khánh Vinh (2011), “Quyền con người”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

47. Võ Khánh Vinh (2012), “Những vấn đề lý luận và thực tiễn về các quyền mới xuất hiện trong quá trình phát triển”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Tiếng Anh:

48. Committee on the Rights of the Child(2013), General Comment No 15 on the right of the child to the enjoyment of the highest attainable standard of health (art. 24).
49. Mira Dutshke and Kashifa Abrahams (2006), Childrens’s Right to Maximum Survival and Development, Children’s Institute, University of Cape Town.
50. Unicef, The Convention on the Rights of the Child: Survival and Development rights: the basic rights to life, survival and development of one’s full potential.
51. Vietnamese research center for human rights, under Ho Chi Minh national political academy (2000), “Children’s Rights”, Ha Noi.

Website:

52. Lê Khánh Tùng - Vũ Công Giao, Khái quát về hoạt động giáo dục về quyền con người ở Việt Nam hiện nay,
<http://www.crights.org.vn/home.asp?id=80&langid=1>
53. <http://cstc.cand.com.vn/The-gioi-di-thuong/El-Salvador-Phu-nu-bi-bo-tu-40-nam-vi-toi-de-say-thai-396666/>